

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

HỒ ĐẠI THỨC

**TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2009

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

HỒ ĐẠI THỨC

**TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Quang Tiệp

HÀ NỘI - 2009

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang bìa phụ</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Khái niệm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ý nghĩa của việc ghi nhận tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam	8
1.1.1. Khái niệm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8
1.1.2. ý nghĩa của việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong luật hình sự Việt Nam	13
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong luật hình sự Việt Nam	17
1.2.1. Giai đoạn từ năm 939 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945	18
1.2.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985	23
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985 đến nay	26
1.3. Những quy định về tội tuyên truyền chống nhà nước trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới	29

1.3.1.	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	29
1.3.2.	Vương quốc Thụy Điển	31
1.3.3.	Liên bang Nga và một số quốc gia khác	33
	Chương 2: TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	35
2.1.	Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong Bộ luật Hình sự năm 1999	35
2.1.1.	Khách thể của tội phạm	35
2.1.2.	Mặt khách quan của tội phạm	38
2.1.3.	Chủ thể của tội phạm	41
2.1.4.	Mặt chủ quan của tội phạm	43
2.2.	Hình phạt đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong Bộ luật Hình sự năm 1999	47
2.3.	Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1985 đến nay	52
	Chương 3: HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	66
3.1.	Sự cần thiết khách quan phải hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	66
3.2.	Hoàn thiện những quy định pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	69

3.3.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	71
3.3.1.	Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh vô hiệu hóa các hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	71
3.3.2.	Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các tội phạm khác có liên quan	75
3.3.3.	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia và các âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	77
3.3.4.	Nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho cán bộ tư pháp	79
	KẾT LUẬN	82
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ đã làm cho các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đứng trước khó khăn, thử thách. Trong bối cảnh ấy, Đảng, Nhà nước, cùng toàn thể nhân dân Việt Nam vẫn kiên định lập trường bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đến nay, Việt Nam đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận trên mọi mặt của đời sống xã hội: kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, an ninh quốc phòng được giữ vững...; sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc đã tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với tương lai và triển vọng tốt đẹp, ngày càng được các nước trên thế giới và khu vực chọn làm bạn và là đối tác tin cậy.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trước mắt và lâu dài. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn tìm mọi cách, sử dụng mọi âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một trong những phương thức hoạt động của chúng là tuyên truyền, xuyên tạc, làm ra, tàng trữ, lưu hành, bôi nhọ, phỉ báng... nhằm chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam, các nhà làm luật, các luật gia cũng như các nhà nghiên cứu luật học đều đã nhận thức rõ mức độ, tính chất nguy hiểm của các hành vi kể trên, đồng thời cũng đã ghi nhận trong các văn bản pháp lý hình sự cụ thể. Bộ luật Hình sự năm

1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định một điều luật riêng biệt, đó là Điều 88: *Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* trong chương Các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Nhưng về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng điều luật này còn có nhiều bất cập, vướng mắc, đòi hỏi khoa học luật hình sự tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Mặt khác, bản thân tác giả hiện đang công tác tại Tổng cục An ninh, Bộ Công an - một trong những đơn vị trực tiếp đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* nói riêng.

Với những lẽ đó, tác giả mạnh dạn lựa chọn đề tài: "***Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong luật hình sự Việt Nam***" làm luận văn thạc sĩ luật học. Qua nghiên cứu đề tài, tác giả hy vọng góp phần hoàn thiện hơn nữa về mặt lý luận và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật hình sự về tội phạm này trên thực tế.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một trong 14 tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại chương các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* đã được một số nhà luật học đề cập trong một số công trình nghiên cứu, cũng như các sách, báo pháp lý hình sự. Có thể nhắc đến một số công trình nghiên cứu đáng chú ý sau: Luận án tiến sĩ của tác giả Bạch Thành Định: "*Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia trong luật hình sự Việt Nam*", Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001; PGS.TSKH Lê Cẩm (chủ biên): "*Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*" (Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2007); PGS.TS Kiều Đình Thụy: "*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, lịch sử, thực trạng và phương*

hướng hoàn thiện" (Tập chí Thông tin khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, 1994), *"Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia"* (Tập chí Nhà nước và pháp luật, 1995), *"Về các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia"* (Tập chí Khoa học Công an nhân dân, 1995); TS. Trần Đình Nhã: *"Về sửa đổi, bổ sung Chương I phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự"* (Tập chí Khoa học Công an, 1996)...

Ngoài ra, một số giáo trình do tập thể tác giả của các trường, khoa Luật biên soạn phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu trong các trường đại học có đề cập đến *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* như: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Tập I), do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006; *Bình luận các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự năm 1999*, do TS. Ưông Chu Lưu chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003...

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên mới chỉ dừng lại ở việc đề cập khái quát hoặc mô tả sơ bộ về các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống các vấn đề lý luận về tội phạm này, nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, tổng kết đánh giá thực tiễn áp dụng, cũng như chỉ ra tồn tại, vướng mắc trong thực tế để đề xuất các kiến giải lập pháp và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật đối với tội phạm này.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là trên cơ sở sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội*

chủ nghĩa Việt Nam, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định pháp luật hình sự đối với tội phạm này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu trên, tác giả luận văn đặt cho mình một số nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

Về mặt lý luận: trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* trong sự phát triển chung của pháp luật hình sự, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về tội phạm này, qua đó xây dựng mô hình lý luận và rút ra ý nghĩa của việc ghi nhận *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* trong luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: từ việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, luận văn đề xuất hoàn thiện và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về tội phạm này.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới góc độ pháp lý hình sự, trong thời gian từ năm 1985 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Cơ sở của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh

phòng và chống tội phạm, về tính nhân đạo của pháp luật, cũng như thành tựu của các ngành khoa học pháp lý như lý luận chung nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu đặc thù và có tính hiện đại, phổ biến như: lịch sử, logic, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các văn bản pháp luật của Nhà nước và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự của Tòa án nhân dân tối cao, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở trung ương ban hành có liên quan đến *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm trong các báo cáo của ngành Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và địa phương, cũng như những thông tin trên mạng internet để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam nghiên cứu tương đối đầy đủ và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng đối với *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học. Trong luận văn này, tác giả luận văn đã giải quyết một về mặt lý luận những vấn đề sau:

1. Phân tích một cách có hệ thống và tương đối toàn diện những vấn đề lý luận về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* như: khái niệm, các dấu hiệu pháp lý đặc trưng...

2. Hệ thống hóa lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá về giá trị lập pháp truyền thống của cha ông về tội phạm này.

3. Phân tích những quy định cụ thể của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* với những tình tiết định tội, định khung tăng nặng, đồng thời có nghiên cứu so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới để đưa ra những kết luận khoa học về việc tiếp tục hoàn thiện tội phạm này trong Bộ luật Hình sự năm 1999.

4. Trên cơ sở phân tích thực tiễn áp dụng, luận văn đã đề xuất hoàn thiện và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm này trong tình hình mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học với những đóng góp về mặt khoa học như đã nêu trên.

Về mặt thực tiễn: từ những khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn áp dụng pháp luật đang gặp phải, luận văn đưa ra một số giải pháp nâng cao

hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự đối với *tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.

Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học - luật gia, cán bộ thực tiễn, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự, cũng như phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong Bộ luật Hình sự năm 1999 và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC GHI NHẬN TỘI PHẠM NÀY TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1.1. Khái niệm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Khái niệm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng đã được một số sách, báo pháp lý nước ta đề cập. Trong công trình nghiên cứu pháp lý "Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự", đưa ra định nghĩa pháp lý tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là "bất kỳ hành vi nào (được liệt kê tại Điều luật đã nêu) xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm đến sự vững mạnh của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của Việt Nam theo quan điểm của nhà làm luật" [2] hay trong Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Tập I - Trường Đại học Luật Hà Nội (2006):

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hành vi nhằm chống Nhà nước mà tuyên truyền, phỉ báng chính quyền nhân dân, xuyên tạc, tuyên truyền luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân, làm ra, tàng trữ, lưu hành các văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích chống chính quyền nhân dân [17, tr. 355]...

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia, cho nên, theo chúng tôi, để có thể đưa ra khái niệm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trước hết cần làm rõ khái niệm an ninh quốc gia, khái niệm các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Nhận thức về "an ninh quốc gia" trong từng thời kỳ, giai đoạn lịch sử không phải lúc nào cũng giống nhau mà nó luôn thay đổi phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội nhất định. Do tính chất của cuộc đấu tranh cách mạng của nước ta ở mỗi thời kỳ có những đặc trưng riêng, cho nên các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia ở mỗi thời kỳ, được gọi khác nhau. Trong Sắc lệnh số 133-SL ngày 20/11/1953, đó là "các tội phạm xâm hại đến an toàn nhà nước đối nội và đối ngoại"; trong Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967, đó là "các tội phản cách mạng". Trong Bộ luật Hình sự năm 1985, được gọi là "các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia", còn Bộ luật Hình sự năm 1999, được gọi là "các tội xâm phạm an ninh quốc gia".

Trong những năm 70 của thế kỉ XX, thuật ngữ "an ninh quốc gia" đã bắt đầu xuất hiện trong các sách báo nghiệp vụ của ngành Công an và các tác giả cuốn *Từ điển nghiệp vụ Công an nhân dân* do Bộ Công an xuất bản năm 1977 đã bước đầu đưa ra khái niệm an ninh quốc gia: "An ninh quốc gia là sự yên ổn về chính trị và trật tự xã hội trong phạm vi quản lý một nhà nước, để đảm bảo chống xâm lược và chống mọi hành vi gây rối, phá hoại, lật đổ". Các tác giả của giáo trình quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia thì cho rằng: "An ninh quốc gia là thể hiện quan hệ chính trị giữa các giai cấp cầm quyền đối với giai cấp khác... an ninh quốc gia gồm hai mặt, hai nội dung: đối nội và đối ngoại". Một ý kiến khác thì cho rằng:

An ninh quốc gia là sự yên ổn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo vững vàng nền độc lập, chủ quyền toàn vẹn

lãnh thổ. An ninh quốc gia bao gồm an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng và an ninh xã hội, trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt và an ninh kinh tế là nền tảng. An ninh quốc gia bao gồm an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa [32, tr. 5-6].

Theo khái niệm này, an ninh quốc gia là khái niệm có phạm trù rộng, phản ánh nhiều mặt, nhiều tầng từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội của một quốc gia... Trong các văn bản pháp luật, thuật ngữ "an ninh quốc gia" xuất hiện chính thức tại Điều 36 Luật Tổ chức tòa án nhân dân ngày 13/07/1982. Tuy nhiên, trước khi Luật An ninh quốc gia năm 2004 ra đời, khái niệm an ninh quốc gia chưa được một văn bản pháp luật nào của Nhà nước ta đề cập, làm rõ.

Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp về an ninh quốc gia, Luật An ninh quốc gia được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, thông qua ngày 03/12/2004, đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm an ninh quốc gia tại Điều 3: "An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc". Trong khái niệm này, bộ phận cấu thành thứ nhất: "Sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" và bộ phận cấu thành thứ hai: "Sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc" là hai mặt không thể thiếu của một tổng thể thống nhất là "an ninh quốc gia". An ninh quốc gia sẽ không được bảo đảm nếu bất cứ một bộ phận cấu thành bị xâm hại. Việc xác định giới hạn các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh, phòng chống các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia có hiệu quả.

Trên cơ sở khái niệm an ninh quốc gia đã được trình bày ở trên và khái niệm tội phạm được quy định tại Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 1999 có thể đưa ra định nghĩa pháp lý các tội xâm phạm an ninh quốc gia như sau: *Các tội xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì mục đích chống chính quyền nhân dân, xâm phạm sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.*

Tiếp theo cần làm rõ khái niệm tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý luận chung nhà nước và pháp luật chỉ ra rằng, nhà nước là hiện tượng xã hội rất phức tạp và đa dạng, thuộc kiến trúc thượng tầng, "là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội" [48, tr. 47]. Trên cơ sở khái niệm này, chúng ta có thể hiểu Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên mọi mặt đời sống xã hội nhằm duy trì trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa có nghĩa là việc các chủ thể tội phạm tiến hành các hoạt động xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm sự tồn tại và vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cản trở hoạt động bình thường của bộ máy điều hành và quản lý công việc của nhà nước ở các cấp; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mục đích cuối cùng là tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành lập chế độ "đa nguyên, đa đảng" ở Việt Nam.

Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hiểu là dùng lời nói (lời lẽ) xấu xa, đả kích chế độ Hiến pháp, các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, tổ chức, cán bộ; bôi nhọ lãnh tụ, cán bộ, công chức nhà nước, lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc những biểu hiện tiêu cực của một bộ phận cán bộ, công chức thoái hóa biến chất để thổi phồng, chụp mũ, đánh đồng và biến chúng thành khuyết điểm chung của Đảng, bộ máy nhà nước làm cho quần chúng mất niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào sự quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn bao hàm nội dung đưa ra những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân. Đó là hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, trong đó chúng sử dụng phương thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như: tuyên truyền miệng, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, internet... tung tin thất thiệt trong xã hội, gây ra sự nghi ngờ, lo lắng, trong quần chúng nhân dân về sự tồn tại chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn có nội dung làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sản xuất, cất giấu, lưu hành sách báo, tranh ảnh, truyền đơn, kịch bản và những văn hóa phẩm khác có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong mười bốn tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, được quy định tại Điều 88 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999. Do vậy, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thỏa

mãn đầy đủ các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm. Trong công trình nghiên cứu pháp lý "Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)", PGS.TSKH Lê Cẩm cho rằng, tội phạm phải đầy đủ ba bình diện tương ứng với năm đặc điểm (dấu hiệu) của nó là: (1) Bình diện khách quan: tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; (2) Bình diện pháp lý: tội phạm là hành vi trái; (3) Bình diện chủ quan: tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi [3, tr. 297].

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau: *Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những hành vi tuyên truyền, phá hoại tư tưởng hoặc làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung thù địch, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

1.1.2. Ý nghĩa của việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong luật hình sự Việt Nam

Qua nghiên cứu tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong luật hình sự Việt Nam chúng ta có thể rút ra một số ý nghĩa cơ bản của việc ghi nhận tội danh này như sau:

Thứ nhất, việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ sở pháp lý quan trọng cho cuộc đấu tranh phòng, chống các tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng.

Cuộc đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bộ phận của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung nhằm bảo vệ sự tồn tại và vững mạnh của

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lực lượng tham gia cuộc đấu tranh này không chỉ là một cá nhân, cơ quan, tổ chức nhất định mà là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội: "Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật" [26]. Trong đó, "ngành Công an là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" [27].

Trên cơ sở quy định của pháp luật hình sự hiện hành, các cơ quan áp dụng pháp luật căn cứ vào quy định của luật để tiến hành xử lý nghiêm minh những người thực hiện hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đi ngược lại lợi ích của dân tộc. Việc xử lý trên không chỉ mang ý nghĩa giáo dục, răn đe mà còn thể hiện thái độ nghiêm trị của Đảng và Nhà nước ta trong việc trấn áp tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng.

Thứ hai, việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, tiến tới mục tiêu chung xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nhà nước pháp quyền là khái niệm trước đây bị coi là xa lạ với học thuyết về nhà nước và pháp luật của các nước xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, quan điểm về nhà nước pháp quyền được thừa nhận chính thức và Đảng ta khẳng định quyết tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã khẳng định cần "tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam; quản lý xã hội bằng pháp luật đồng thời coi trọng, giáo dục, nâng cao đạo đức".

Ngoài các nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung của nhà nước pháp quyền như nhà nước đảm bảo thực sự vị trí ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực sinh hoạt xã hội và tính tối cao của luật trong các lĩnh vực hoạt động của nhà nước, thì nguyên tắc không thể thiếu là nguyên tắc nhà nước phải đảm bảo thực sự chủ quyền của nhân dân, tức là nhà nước đó phải bảo vệ được sự vững mạnh của chế độ chính trị, nền an ninh quốc gia, bảo vệ được sự tồn tại và vững mạnh của chính quyền nhân dân...

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chiến lược chúng sử dụng đó là "diễn biến hòa bình", trong chiến lược này chúng rất chú trọng đến các hoạt động phá hoại tư tưởng với nhiều thủ đoạn khác nhau như: lợi dụng những sơ hở thiếu sót trong việc ban hành và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để vu cáo, đả kích chế độ xã hội chủ nghĩa hoặc thổi phồng, đánh đồng những sai phạm của một bộ phận đảng viên, cán bộ với khuyết điểm chung của Đảng Cộng sản Việt Nam, của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Trước những âm mưu, thủ đoạn thâm độc này, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động xây dựng và triển khai các đối sách đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một trong những chiến lược quan trọng đó là hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Việc quy định tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong pháp luật hình sự Việt Nam đã một phần đáp ứng được yêu cầu này trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xây dựng một Nhà nước Việt Nam có nền chính trị ổn định.

Thời gian gần đây, tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp: khủng bố liên tục xảy ra ở Mỹ, Pakistan, Ấn Độ, Thái Lan... đã từng và vẫn là nguy cơ tiềm ẩn chiến sự ở Trung Đông giữa Ixraen và dải Gaza... mâu thuẫn tôn giáo, dân tộc gây gắt ở các nước Hồi giáo... nhưng Việt Nam vẫn là một nước được đánh giá là có nền chính trị ổn định nhất thế giới. Điều này được chứng minh trên thực tế, hàng loạt hội nghị, hội thảo quốc tế lớn, nhỏ được tổ chức an toàn, thành công tại Việt Nam trong thời gian qua như: APEC 14 (2006), ASEM 5 (2007), Đại lễ Phật Đản Liên Hợp quốc (2008)... tạo tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Trong nước, tình hình an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, một mặt tăng cường phát huy khối đại đoàn kết dân tộc, mặt khác Nhà nước ta xử lý nghiêm những phần tử chống đối Nhà nước, đặc biệt là các đối tượng giữ vai trò tổ chức, cầm đầu, cốt cán, chỉ huy. Hai vụ bạo loạn xảy ra ở Tây Nguyên năm 2001, 2004 là những minh chứng rõ nét, các đối tượng cầm đầu cực đoan trong nước dưới sự chỉ đạo ở bên ngoài, tiến hành các hoạt động chống đối như: lôi kéo, mua chuộc đồng bào dân tộc thiểu số theo cái mà chúng gọi là "Tin lành Đêga", "Nhà nước Đêga", qua đó, chúng đưa ra các yêu sách với Nhà nước Việt Nam, đòi ly khai, tự trị, thành lập "Nhà nước Đêga" độc lập cho người Tây Nguyên, tiến hành bạo loạn, phá rối an ninh... Trước những hành vi vi phạm pháp luật hình sự Việt Nam một cách nghiêm trọng, các đối tượng cầm đầu cực đoan ở trong nước đã bị các cơ quan chức năng bắt, xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Thứ tư, việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 1 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: "Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà

nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội".

Việc pháp luật hình sự hiện hành ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thể hiện sự quan tâm, thái độ nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa bằng pháp luật hình sự, chống lại âm mưu, thủ đoạn và hoạt động phá hoại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của các thế lực thù địch. Đồng thời, việc ghi nhận này, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của nhân dân nói chung, cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật nói riêng vào sự nghiệp đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

Thứ năm, việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong pháp luật hình sự còn mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc.

Những thành tựu to lớn mà Đảng và Nhà nước ta đã đạt được trong những năm qua đã tạo cơ sở và niềm tin cho các thế hệ nối tiếp nhau vững bước đi trên con đường "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội" mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn. Để một lần nữa khẳng định và thể hiện quyết tâm bảo vệ thành quả đó, pháp luật hình sự đã thể chế hóa ý chí, quyết tâm này bằng việc quy định tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia, có khách thể đặc biệt quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ với chế tài rất nghiêm khắc.

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Pháp luật hình sự luôn thể hiện hai mặt cơ bản: trước hết đó là sự kết tinh những giá trị phổ biến, những kinh nghiệm đấu tranh phòng chống

tội phạm của các giai đoạn của nó được ban hành; mặt khác, pháp luật hình sự được ban hành để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và trật tự xã hội theo quan điểm của giai cấp thống trị. Do vậy, cả hai mặt đó đều phải được nghiên cứu đồng thời để rút ra những giá trị pháp lý nhằm kế thừa và phát triển.

Nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự trên cơ sở những quan điểm nêu trên, chúng ta mới thấy rõ vai trò, chức năng nhiệm vụ của pháp luật hình sự trong từng giai đoạn lịch sử, mới có thể hiểu đầy đủ, đúng đắn nội dung của các quy phạm và chính sách hình sự của nhà nước: Lịch sử hình thành và phát triển lập pháp hình sự Việt Nam về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể chia làm các giai đoạn cụ thể sau đây.

1.2.1. Giai đoạn từ năm 939 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Năm 939, khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giành lại độc lập hoàn toàn cho đất nước ta, để bảo vệ nền thống trị mới được thành lập, trấn áp lực lượng đối địch, gây uy thế cho mình, chính quyền phong kiến dân tộc đã sử dụng các biện pháp chuyên chính bạo lực với các hình phạt nghiêm khắc đối với những kẻ chống đối. Theo sử sách để lại, việc quy định hành vi nào là tội phạm và hình phạt được áp dụng dưới thời Đinh, Lê đều phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Vua hay các viên quan đứng đầu khu vực. Mặc dù, chưa có tài liệu chứng minh pháp luật thời kỳ này đã quy định tội tuyên truyền chống Nhà nước hay chưa? Nhưng các nhà sử học đã ghi lại trong thời kỳ này, Đinh Bộ Lĩnh đã rất nghiêm khắc với những hành vi phản lại hoặc làm trái với Vua, quan quân triều đình (Vua thời kỳ này được coi là con Trời) và quy định hình phạt rất nghiêm

khắc tương ứng với những hành vi mà Vua và những quan lại coi là trái phép: "Người nào trái phép sẽ bị bỏ vạc dầu hay cho hổ ăn".

Thời Vua Lê Đại Hành vẫn giữ nguyên hình phạt và cách thức thi hành các hình phạt đó. Theo lời sớ của Tổng Cáo, thì cách xử tội của Lê Hoàn như sau: "Tả hữu có lỗi nhỏ cũng giết đi hoặc đánh từ 100 đến 200 roi. Bọn giúp việc, ai hơi có điều gì làm phạt ý cũng bị đánh từ 30 đến 50 roi, truất làm tên gác cổng, khi hết giận lại gọi về cho làm chức cũ". Thời kỳ này, có pháp luật thành văn hay không, ta chưa thể giải đáp được một cách chắc chắn.

Năm 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, thời kỳ này, quyền thống trị của giai cấp phong kiến đã được xác lập, tổ chức cai trị có quy củ hơn. Để củng cố quyền hành của mình, ổn định tình hình xã hội, năm 1042, Lý Thái Tông sai trung thư sảnh sửa định luật lệ, chia môn loại, biên ra điều khoản lập ra Hình thư. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta, nhưng tiếc bộ luật này hiện nay không còn nữa. Theo các tác giả Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh, dưới thời nhà Lý, các tội thập ác đã được đề cập, trong đó có quy định về tội mưu phản, tội mưu đại nghịch, nhưng nội dung như thế nào thì chúng ta không nắm được.

Dưới triều Trần, có hai bộ luật được ban hành dưới thời Vua Lê Thái Tông và Trần Dụ Tông, nhưng cũng như Hình thư thời nhà Lý, hai bộ luật nhà Trần cũng bị thất lạc, cho nên chúng ta cũng không thể biết về từng điều khoản của hai bộ luật đó.

Dưới triều Lê, hoạt động lập pháp nói chung, lập pháp hình sự nói riêng của nhà Lê được tiến hành thành công nhất dưới đời Vua Lê Thánh Tông với sự ra đời của Quốc triều hình luật hay còn gọi là Bộ luật Hồng Đức nổi tiếng vào năm 1483. Bộ luật Hồng Đức đã xây dựng được những

quy định như: Điều 132 Bộ Luật Hồng Đức quy định: "Những người chỉ trích vua mà tình lý rất tệ hại (lời chỉ trích nguy hại đến nhà Vua thì bị xử tội chém, không gây nguy hại cho nhà Vua thì bị xử đồ làm phường binh). Nhỡ miệng nói càn thì giảm tội một bậc..." [28, tr. 73]; Điều 133 Bộ luật Hồng Đức:

Những kẻ nào dâng thư nặc danh phạm đến việc lớn của quốc gia thì bị xử tội chém; không phải việc đại sự thì xử tội lưu đi châu gần; gia sản bị tịch thu xung công; người tố cáo ra thì được thưởng tước tùy theo việc nặng nhẹ. Thư nặc danh phỉ báng chính sự hiện thời, tình lý nặng thì xử tội lưu đi châu gần, nhẹ thì xử đồ làm tượng phương binh; cáo giác tội người khác xử tội biếm ba tư. Người chủ ty nhận được thư nặc danh cáo giác mà không đốt đi, lại đem nộp quan hay tâu vua hay đem truyền tụng, thì xử phạt 50 roi, biếm một tư... [28, tr. 73-74];

Hoặc Điều 413: "Những kẻ làm ra và truyền bài về ca dao, từ khúc nói đến việc nước, mà lời lẽ tỏ ra chỉ trích, chê bai, có ý bất thuận triều đình; hay đặt ra lời phao tin đồn nhảm, để làm náo động dân chúng, thì đều xử lưu đi châu xa..." [32, tr. 154].

Như vậy, mặc dù Bộ luật Hồng Đức chưa xây dựng định nghĩa pháp lý cụ thể, nhưng cũng đã quy định về những hành vi tuyên truyền chống lại lợi ích của giai cấp thống trị Nhà nước phong kiến tập quyền, của vua... và hậu quả pháp lý tất yếu là các chế tài tương ứng nghiêm khắc nhất.

Dưới thời nhà Nguyễn, sau khi lên ngôi hoàng đế, Vua Gia Long giao cho Tiền quân Bắc thành Tổng trấn Nguyễn Văn Thành là Tổng tài soạn thảo Bộ luật Hoàng Việt luật lệ (Bộ luật Gia Long). Bộ luật được biên soạn trong một thời gian dài, đến năm 1811 thì hoàn tất và năm 1812 được khắc in lần đầu ở Trung Quốc, có hiệu lực từ 1813 trên phạm vi toàn quốc.

Bộ luật gồm hai phần, 22 quyển với 389 điều luật. Tương tự như pháp luật hình sự thời kỳ nhà Lê, pháp luật hình sự thời kỳ nhà Nguyễn ngoài việc quy định trách nhiệm hình sự tập thể đối với một số loại tội phạm xâm hại tới sự tồn tại của chế độ phong kiến, trong đó có tội mưu phản; điều khác biệt so với pháp luật hình sự thời kỳ nhà Lê là chế tài hình sự trong những trường hợp này mang tính chất tàn ác hơn nhiều.

Điều 225 - Tào yêu thư yêu ngôn (làm ra sách quái đản nói lời lừa bịp) - Hoàng Việt luật lệ còn quy định: "Phàm ai bày đặt sấm vĩ (tức lời tiên tri) sách nói chuyện quái đản, lời mập mờ quái lạ tuyên truyền làm mê hoặc dân chúng", "Đò đều là nói láo về thịnh suy thế đạo, vận may hên của đất nước nhằm thổi bùng lên sự lừa bịp vào lòng người với ý đồ chống đối nhà nước. Cho nên kẻ bày đặt và truyền tụng đều bị chém" [38].

Thời kỳ này, chúng ta chịu ảnh hưởng của pháp luật hình sự phong kiến Trung Quốc rất nặng nề, nhưng Hoàng Việt luật lệ (Bộ luật Gia Long) cũng đã kế thừa và tiếp thu giá trị lập pháp hình sự của thời kỳ Lê sơ và bên cạnh đó, có những sáng tạo nhất định, thể hiện kỹ thuật lập pháp hình sự ở trình độ cao so với các nước trong khu vực.

Dưới thời Pháp thuộc, ở Nam Kỳ, trong sắc luật ngày 16/3/1890, thực dân Pháp quy định từ thời điểm này, các Tòa án Nam Kỳ phải áp dụng pháp luật hình sự của Pháp thay cho Bộ luật Gia Long, ngoại trừ trường hợp pháp luật hình sự của Pháp chưa dự liệu được. Đến ngày 31/12/1912, toàn quyền Đông Dương ban hành Sắc luật đã sửa đổi 56 điều của Bộ luật Hình sự Pháp thành Hình luật Canh cải và cho áp dụng tại Nam Kỳ. Hình luật Canh cải gồm lời nói đầu, 4 quyển với 484 điều. Trong đó, Hình luật canh cải chủ yếu là công cụ của thực dân Pháp trong việc đàn áp trong phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Ở Bắc kỳ thời kỳ này là đất "nửa bảo hộ" đặt dưới quyền cai trị của một viên thống sứ người Pháp và người phạm tội sẽ chịu áp dụng Luật hình An Nam theo nghị định ngày 1/12/1921 của toàn quyền Đông Dương. Luật hình An Nam gồm 40 chương và 233 điều. Luật hình An Nam không có gì khác biệt so với Hình luật canh cải về mặt nội dung, mà chủ yếu khác về mặt hình thức. Luật hình An Nam cũng có những quy định rất hà khắc đối với hành vi chống lại thực dân Pháp.

Ở Trung kỳ, bằng Dụ số 43 ngày 31/7/1933 của Bảo Đại, Hoàng Việt hình luật được ban hành và áp dụng. Hoàng Việt hình luật gồm 29 chương, 424 điều. Mặc dù tại Điều 1 Bộ luật này quy định: "Các thể lệ trong luật này là trích lấy ở luật Gia Long và giữ theo những điều lưu truyền của nước Nam, chỉ châm chước sửa sang lại" [32], nhưng về thực chất, chủ yếu là sao chép lại Hình luật canh cải. Hoàng Việt hình luật dành hẳn một chương XI quy định về "những tội xâm phạm đến đức Hoàng đế, Hoàng thân và cuộc trị yên của Nhà nước", chương này có nội dung gần giống với chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó tại Điều 104 quy định:

Phạm dùng giấy mà là yết thị sách báo và các giấy in hoặc giấy viết, hay là dùng bức ảnh, hình vẽ hoặc cái gì (không phải lời nói và cách cử động) mà vụ mạn có phạm đến sự tôn kính đối với Liệt Thánh, Hoàng Đế, Hoàng Hậu, Hoàng Thái Tử và những sự vụ mạn có phạm đến thể thống và quyền pháp của nhà vua, thời những người ấy đều xử tội phạt giam từ ba đến năm năm không phân biệt chánh phạm hay tòng phạm.

Người nào vụ mạn đến Hoàng thân, Vương công, các Hoàng tử và người nào vụ mạn, xỉ mạ, phỉ báng đến chánh phủ bản quốc, tội phạm ấy bất câu là dùng cách gì đều phạt giam từ

một năm đến hai năm, cũng không phân biệt chánh phạm hay tòng phạm [32, tr. 37-38].

Tóm lại, ngay từ thời kỳ phong kiến đến thời kỳ thực dân Pháp đô hộ Việt Nam, pháp luật hình sự đã bước đầu đề cập đến một số hành vi tuyên truyền chống Nhà nước nhằm mục đích bảo vệ chế độ thực dân phong kiến.

1.2.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ, quân và dân ta phải đối phó với những khó khăn mang tính "cấp bách", ở miền Bắc, vừa phải chống chọi với giặc đói, vừa phải đối phó giặc ngoại xâm phương Bắc và bè lũ tay sai, ở miền Nam, thực dân Anh và quân đội Pháp muốn chiếm lại Nam Bộ với âm mưu sử dụng địa bàn này làm bàn đạp để chiếm đoạt lại toàn bộ nước ta.

Trước tình hình này, để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, đẩy mạnh công cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất dân tộc, ngày 20/01/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 133/SL nhằm trừng trị bọn Việt gian, phản động và xét xử những âm mưu hành động phản quốc. Điều 11 Sắc lệnh nêu rõ:

Kẻ nào vì mục đích phản quốc, có những hành động tuyên truyền cổ động cho địch như:

- Phao tin đồn nhảm làm cho nhân dân hoang mang,
- Bất cứ dùng cách gì để tuyên truyền cho chính sách áp bức, bóc lột, lừa phỉnh của địch,
- Đầu độc, truy lạc nhân dân bằng văn hóa nô dịch,
- Tuyển mộ nguy binh hay mộ phu cho địch,

- Dụ dỗ bộ đội, cán bộ, nhân dân bỏ hàng ngũ kháng chiến đi theo địch, sẽ bị xử phạt như sau:

a) Bọn chủ mưu, tổ chức, chỉ huy, sẽ bị phạt tù từ 10 năm đến chung thân, hoặc sẽ bị xử tử hình.

b) Bọn tay chân mà tội trạng tương đối nhẹ, sẽ bị phạt tù từ 10 năm trở xuống.

Điểm mới của Sắc lệnh 133/SL thể hiện ở chỗ, Điều 2 Sắc lệnh quy định: "Đề cao nguyên tắc trừng trị có phân hóa, nghiêm trị bọn cầm đầu chủ mưu, bọn ngoan cố, khoan hồng đối với những người bị lừa phỉnh, ép buộc, lầm đường".

Ngoài Sắc lệnh số 133/SL, trong giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985, còn có hàng loạt văn bản pháp luật hình sự khác được ban hành nhằm đáp ứng đòi hỏi khách quan của Cách mạng Việt Nam, đồng thời thể hiện thái độ của Nhà nước ta kiên quyết trừng trị những hành vi "phản cách mạng". Có thể liệt kê một số điều khoản trong một số văn bản pháp lý hình sự tiêu biểu giai đoạn này như: Điều 5 Sắc lệnh số 151/SL ngày 12/4/1953 quy định nếu địa chủ nào mà "Bịa đặt tin bậy để gây dư luận chống Chính phủ, chống pháp luật" hoặc "Dùng thủ đoạn gây xung đột trong nội bộ nông dân, làm tổn hại đến sự đoàn kết của nhân dân" thì "sẽ bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm, phải bồi thường thiệt hại cho nông dân và bị tịch thu một phần hay tất cả tài sản"; hay Điều 4 Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1956 quy định nếu: "Cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch kinh tế, phao đồn tin bịa, gây sự nghi ngờ, hoang mang trong quần chúng..." thì sẽ bị phạt tù "5 năm đến 20 năm tù"; hay Điều 15 Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng năm 1967 quy định "tội tuyên truyền phản cách mạng" bao gồm các hành vi: "Tuyên truyền, cổ động chống lại chính quyền nhân dân, xuyên tạc, chế độ xã hội

chủ nghĩa; tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch; xuyên tạc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giành độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà, phao tin đồn nhảm, gây hoang mang trong nhân dân; tuyên truyền cho chính sách nô dịch và cho văn hóa trụy lạc của chủ nghĩa đế quốc; viết, in, lưu hành, cất giấu sách, báo, phim, tranh, ảnh hoặc mọi tài liệu khác có nội dung và mục đích phản cách mạng", và hình phạt tương ứng với các hành vi này là "hai năm đến mười hai năm" tù giam...

Nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật hình sự giai đoạn này có thể thấy nội dung của các văn bản mang tính thời chiến, đáp ứng yêu cầu lịch sử, nhưng cũng đã quy định nhóm hành vi tuyên truyền với mục đích chống chính quyền nhân dân và các hành vi này đều trong nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Bằng chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975, Việt Nam bắt đầu bước vào kỉ nguyên mới - kỉ nguyên cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Pháp luật hình sự cũng có những thay đổi mới về nhiệm vụ để phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên, nhiệm vụ chính của luật hình sự vẫn là: bảo vệ vững chắc Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện những nhiệm vụ giai đoạn này, ngày 15/3/1976, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03/SL/76 quy định các tội phạm và hình phạt nhằm trấn áp bọn phản cách mạng, trong đó tiếp tục quy định tội "tuyên truyền phản cách mạng" tại Điều 15 như sau:

Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà phạm tội như sau:

1. Tuyên truyền, cổ động chống lại chính quyền dân chủ nhân dân, xuyên tạc chế độ xã hội chủ nghĩa;
2. Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch; xuyên tạc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giành độc

lập dân tộc và thống nhất nước nhà, phao đồn tin nhảm, gây hoang mang trong nhân dân;

3. Tuyên truyền cho chính sách nô dịch và cho văn hóa trụy lạc của chủ nghĩa đế quốc;

4. Viết, in, lưu hành, cất giấu sách, báo, phim, tranh, ảnh hoặc mọi tài liệu khác có nội dung và mục đích phản cách mạng;

thì bị phạt tù từ hai năm đến mười hai năm [44].

Như vậy, có thể thấy Sắc luật số 03/SL/76 đã phản ánh gần như đầy đủ, toàn diện tinh thần tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, điều khác biệt là tên gọi và kỹ thuật lập pháp. Sắc luật này là cơ sở cho việc ban hành tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa được quy định tại Điều 82 Bộ luật Hình sự năm 1985 và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 88 Bộ luật Hình sự năm 1999 sau này.

So với giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, thì các nhà làm luật giai đoạn này đã nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn về tính chất nguy hiểm của các hành vi trong mặt khách quan của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mặc dù hình thức thể hiện là một điều luật riêng biệt hay chỉ là một khoản, điểm trong một điều luật nhưng hầu hết trong các văn bản pháp luật hình sự thời kỳ này đều đã đề cập tới tội danh này với chế tài được áp dụng một cách nghiêm khắc.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985 đến nay

Đáp ứng yêu cầu tất yếu khách quan và cấp thiết, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngày 27/06/1985, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII đã thông qua Bộ

luật Hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bộ luật này có hiệu lực từ ngày 01/1/1986, thay thế cho các văn bản pháp luật hình sự đơn hành trước đó. Việc ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985, đánh dấu bước tiến bộ lớn trong hoạt động lập pháp hình sự của Nhà nước ta, thể hiện sự phát triển liên tục, có kế thừa kinh nghiệm quý báu của cả quá trình hình thành và phát triển pháp luật hình sự Việt Nam.

Tại chương I - Phần các tội phạm: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia được quy định làm hai nhóm tội: Các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia (mục A) và các tội phạm khác xâm phạm an ninh quốc gia (mục B). Tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa là một trong những tội phạm đặc biệt nguy hiểm được quy định trong nhóm các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 82 Bộ luật này quy định: Tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

- a) Tuyên truyền, xuyên tạc chế độ xã hội chủ nghĩa;
- b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;
- c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống chế độ xã hội chủ nghĩa;

2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm [23].

So với Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng và Sắc luật số 03/SL/76, Bộ luật Hình sự năm 1985 đã kế thừa được kinh nghiệm lập pháp

hình sự của các văn bản quy phạm luật hình sự được ban hành trước khi pháp điển hóa, tổng kết kinh nghiệm, chính sách hình sự đấu tranh phòng, chống các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó có tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa và kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, đồng thời, dự kiến diễn biến của tội phạm trong thời gian tới.

Trước những diễn biến phức tạp của thế giới và khu vực trong những năm 90 của thế kỉ XX, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta cũng có những thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Bộ luật Hình sự năm 1999 là kết quả tất yếu khách quan của sự thay đổi đó, thay thế cho Bộ luật Hình sự năm 1985 đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Về cơ bản, Bộ luật Hình sự năm 1999 kế thừa Bộ luật Hình sự năm 1985, chỉ chỉnh sửa, bổ sung thêm cho phù hợp với tình hình mới. Trong đó, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 88 Bộ luật Hình sự năm 1999 như sau:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

- a. Tuyên truyền, xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- b. Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân;
- c. Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phạm tội một trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm [25].

So với Điều 82 Bộ luật Hình sự năm 1985, Điều 88 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi thuật ngữ "chế độ xã hội chủ nghĩa" thành "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" và trong cấu thành của tội phạm này có một số nội dung được sửa đổi, cụ thể:

- Sửa thuật ngữ "nhằm chống chính quyền nhân dân" thành "nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" cho phù hợp với tội danh;

- Sửa thuật ngữ "chế độ xã hội chủ nghĩa" trong điểm a khoản 1 thành "chính quyền nhân dân" cho phù hợp với những sửa đổi nêu trên và bổ sung thuật ngữ "phỉ báng" cho đầy đủ, phù hợp với hành vi thực tế;

- Sửa thuật ngữ "chế độ xã hội chủ nghĩa" trong điểm c khoản 1 thành "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo hướng sửa đổi chung.

Mặc dù, trong giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985 đến nay, đã có sự sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và tình hình mới, nhưng chúng ta vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc xử lý tội phạm này.

1.3. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Nghiên cứu tội tuyên truyền chống nhà nước trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới thấy rằng các quy định về tội phạm này là rất khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội nhất định, chính thể, chế độ chính trị của mỗi nhà nước.

1.3.1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là một nước nằm trong khu vực châu Á, có nền văn hóa và bản sắc dân tộc gần giống với Việt Nam, do vậy không thể không đề cập đến pháp luật hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Bộ luật Hình sự năm 1979 của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thông qua ngày 01/07/1979 và có hiệu lực ngày 01/01/1980. Bộ luật này gồm có hai phần: Phần chung và Phần các tội phạm với 12 chương và 192 điều. Trong giai đoạn này, mục tiêu của bộ luật là trừng trị những người phạm tội phản cách mạng và tội hình sự để bảo vệ chế độ chuyên chính vô sản, bảo vệ sở hữu toàn dân..., đảm bảo thắng lợi sự nghiệp cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, tháng 3/1997 tại kỳ họp thứ 5, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa khóa 8 đã thảo luận để sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 1979 và Bộ luật Hình sự mới có hiệu lực từ ngày 01/10/1997.

Bộ luật Hình sự năm 1997 vẫn giữ nguyên hai phần: Phần chung và Phần các tội phạm. Tuy nhiên, tổng số điều luật đã lên tới 452 điều, tăng 260 điều so với Bộ luật Hình sự năm 1979. Trong phần chung có điều chỉnh lại với kết cấu hợp lý gồm 5 chương, 101 điều; phần các tội phạm gồm 10 chương và 350 điều, trong đó chương các tội phản cách mạng được lại thành hai nhóm tội là các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phản cách mạng cho phù hợp với tình hình mới. Giống như Bộ luật Hình sự năm 1979, Bộ luật Hình sự năm 1997 vẫn không nêu tội danh, mà chỉ quy định hành vi bị coi là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia như:

Người nào có hành vi dùng lời lẽ bịa đặt, phỉ báng hoặc bằng những hình thức khác nhằm kích động cướp chính quyền nhà nước, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ 5 năm, cải tạo lao động, quản chế hoặc bị tước quyền lợi chính trị. Người chủ mưu hoặc có hành vi phạm tội nghiêm trọng thì bị phạt tù có thời hạn từ 5 năm trở lên [15].

Về mặt kỹ thuật lập pháp, các nhà làm luật nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không phân biệt chủ thể tội phạm này là người Trung Quốc hay

người nước ngoài, người không quốc tịch đồng thời khéo léo lồng ghép giữa việc quy định hành vi cụ thể "dùng lời lẽ bịa đặt, phi báng" và quy định mở "hình thức khác" để dự liệu những hành vi chưa được quy định cụ thể trong luật có thể xảy ra trên thực tế nhằm tránh bỏ sót, lọt tội phạm tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật. Nhưng, thành công nhất của điều luật, theo tác giả đó là các nhà làm luật Trung Hoa đã chỉ ra được cốt lõi, bản chất của tội phạm này - "*nhằm kích động*" để "*cướp chính quyền*", "*lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa*".

Như vậy, nghiên cứu pháp luật hình sự Trung Hoa cho thấy, trong Bộ luật Hình sự năm 1979 cũng như Bộ luật Hình sự năm 1997 không quy định tên tội danh mà chỉ quy định hành vi trong cấu thành tội phạm, mà nếu chủ thể nào thực hiện các hành vi đó sẽ bị xét xử về tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.

1.3.2. Vương quốc Thụy Điển

Vương quốc Thụy Điển là một quốc gia có lịch sử văn hóa lâu đời với hệ thống tư pháp phát triển và kỹ thuật lập pháp tiên tiến trên thế giới. Bộ luật Hình sự Vương quốc Thụy Điển được ban hành từ rất lâu, nhưng nó vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý cho đến nay. Qua đó, có thể thấy trình độ lập pháp của các nhà làm luật Vương quốc Thụy Điển đã đạt đến trình độ cao, có thể dự liệu trước các quan hệ xã hội mới phát sinh và cần được pháp luật hình sự điều chỉnh cho đến tận ngày nay.

Bộ luật Hình sự Vương quốc Thụy Điển gồm ba phần: Phần I: Những quy định chung; Phần II: Các Tội phạm; Phần III: Hình phạt. Các tội xâm phạm an ninh Vương quốc Thụy Điển được quy định tại chương 19, Phần các tội phạm, trong đó có quy định:

Người nào nhận tiền, tài sản khác từ một nước ngoài hoặc bất kỳ người nào ở nước ngoài đang hoạt động với sự giúp đỡ của

một nước ngoài mà xuất bản hoặc phổ biến sách báo hoặc dưới các hình thức khác nhằm gây ảnh hưởng đối với công luận về một vấn đề liên quan đến các nguyên tắc tổ chức Nhà nước của Vương quốc thuộc thẩm quyền quyết định của Nghị viện hoặc Chính phủ, thì bị phạt tù đến hai năm về tội nhận sự giúp đỡ của nước ngoài [47, tr. 68].

Giống với pháp luật hình sự Việt Nam, pháp luật hình sự Vương quốc Thụy Điển không quy định khái niệm pháp lý của tội tuyên truyền chống Nhà nước mà chỉ liệt kê các hành vi trong mặt khách quan của tội phạm, nhưng có sự khác biệt cơ bản ở một số điểm sau:

Một là, tội này không quy định thành một điều luật riêng biệt như pháp luật hình sự Việt Nam, mà quy định các hành vi cấu thành mặt khách quan của tội phạm - đó là các hành vi cấu thành các tội xâm phạm an ninh Vương quốc Thụy Điển.

Hai là, dấu hiệu cấu kết với người nước ngoài hoặc thực hiện hành vi ngoài lãnh thổ quốc gia của chủ thể tội phạm trong Bộ luật Hình sự Vương quốc Thụy Điển là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm, trong khi đó pháp luật hình sự hiện hành của Việt Nam không quy định dấu hiệu cấu kết hay không cấu kết với người nước ngoài, thực hiện hành vi trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam, chỉ cần chủ thể tội phạm thực hiện một, hoặc các hành vi quy định tại Điều 88 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đã cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba là, mục đích chống Vương quốc Thụy Điển không phải là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của tội phạm, mà chỉ nêu hậu quả của việc thực hiện các hành vi là nhằm "ảnh hưởng đối với công luận về một vấn đề liên quan đến nguyên tắc tổ chức Nhà nước của Vương quốc", nhưng pháp luật hình sự Việt Nam dấu hiệu chống Nhà nước Cộng hòa xã

hội chủ nghĩa Việt Nam là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm, nếu không có dấu hiệu này, sẽ không cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà cấu thành tội phạm khác tương ứng được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Bốn là, mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt tương ứng với các hành vi được nêu trong các tội xâm phạm an ninh Vương quốc Thụy Điển của Bộ luật Hình sự Thụy Điển là hai năm tù, nhẹ hơn nhiều so với mức hình phạt cao nhất trong khung tăng nặng của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 - hai mươi năm tù giam.

Mặc dù, có sự khác nhau về về kỹ thuật lập pháp hình sự, về quan điểm trong cách xử lý người phạm tội, nhưng cũng giống pháp luật hình sự Việt Nam, pháp luật hình sự Vương quốc Thụy Điển quy định hành vi gây ảnh hưởng đến an ninh Vương quốc là tội phạm.

1.3.3. Liên bang Nga và một số quốc gia khác

Hệ thống pháp luật Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết trước đây (nay là Liên bang Nga) có ảnh hưởng rất lớn tới hệ thống pháp luật của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam chúng ta. Ngày 25/12/1958, Xô viết tối cao của nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thông qua Bộ luật Hình sự và có hiệu lực năm 1960. Trong pháp luật hình sự Liên Xô cũ đã từng quy định tội tuyên truyền chống nhà nước là tội xâm phạm an ninh quốc gia. Nhưng đến nay, tội danh không còn được quy định thành một điều riêng biệt mà chỉ tồn tại dưới dạng các khoản riêng lẻ trong từng điều luật cụ thể của các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Do vậy, tương ứng với mỗi hành vi thì khung hình phạt của nó khác nhau, không đồng nhất như pháp luật hình sự Việt Nam.

Trong pháp luật hình sự Hoa Kỳ không quy định tội tuyên truyền chống Nhà nước, sở dĩ không quy định bởi vì chính thể và chế độ chính của Hoa Kỳ khác chính thể và chế độ chính trị của Việt Nam. Hoa Kỳ là quốc gia theo chế độ tư bản chủ nghĩa, bảo vệ cho chế độ sở hữu độc quyền về chính trị và kinh tế, còn chúng ta bảo vệ cho chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Như vậy, việc quy định về tội tuyên truyền chống Nhà nước trong pháp luật hình sự của các nước: Trung Quốc, Vương Quốc Thụy Điển, Liên Bang Nga, Hoa Kỳ... rất khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của từng nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nhìn nhận quá trình hình thành và phát triển tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta thấy các hành vi tương ứng trong mặt khách quan của tội phạm này được quy định từ rất sớm với khung hình phạt rất hà khắc, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của luật hình sự. Nhận thức của các nhà làm luật trong từng thời kỳ về tội phạm này nói riêng và xâm phạm an ninh quốc gia nói chung là khác nhau, nhưng ở họ có cùng quan điểm pháp lý chung là bảo vệ lợi ích giai cấp mình, bảo vệ thể chế chính trị trong từng hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Việc ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc bảo vệ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chống lại âm mưu, hoạt động xâm hại đến sự tồn tại và vững mạnh của Nhà nước và chế độ chính trị. Đồng thời, thể hiện một bước tiến về kỹ thuật lập pháp hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống

tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng trong tình hình mới của đất nước, phù hợp với quan niệm chung trong đấu tranh với hành vi phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Khái quát pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới có nền tư pháp hình sự phát triển, hoặc có sự ảnh hưởng nhất định đến pháp luật hình sự Việt Nam chúng ta thấy ở một số nước cũng đã đề cập đến một số dấu hiệu pháp lý tương đồng với tư tưởng lập pháp của các nhà làm luật Việt Nam về việc quy định nhóm hành vi trong mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm. Nhưng, nhìn chung hầu hết các quốc gia kể trên đều không quy mục đích chống nhà nước là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm (trừ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa), điều đó lý giải vì sao chế tài áp dụng đối với loại tội phạm này nhẹ hơn nhiều so với pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2

TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. NHỮNG DẤU HIỆU PHÁP LÝ ĐẶC TRƯNG CỦA TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 88 chương XI - Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, Bộ luật Hình sự năm 1999 như sau:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

- a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân;
- c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phạm tội một trong các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm [25].

2.1.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại [17, tr. 78].

Khách thể của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là sự tồn tại và vững mạnh chế độ xã hội chủ

nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quan điểm của các nhà làm luật, khi thực hiện tội phạm này, người phạm tội nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, với chế độ chủ nghĩa xã hội, phá hoại sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong xã hội...

Bộ luật Hình sự năm 1999 đã phần nào khắc phục được hạn chế trong kỹ thuật lập pháp của Bộ luật Hình sự năm 1985. Khách thể của tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của các nhà làm luật hình sự năm 1985 là sự tồn tại và vững mạnh chế độ xã hội chủ nghĩa và chính quyền nhân dân, Điều 82 Bộ luật ghi nhận các quan hệ xã hội mà pháp luật hình sự bảo vệ khỏi sự xâm hại của tội phạm là "chính quyền nhân dân" và "chế độ xã hội chủ nghĩa". Việc quy định này rất rộng, chung chung, khó hiểu gây lúng túng trong quá trình điều tra, chứng minh và xử lý tội phạm...

Để khắc phục nhược điểm này, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã thay thế thuật ngữ "chống chính quyền nhân dân" bằng thuật ngữ "chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Nhưng việc quy định này của Bộ luật Hình sự năm 1999 theo tác giả luận văn chưa triệt để và toàn diện. Ví dụ: Vụ án xét xử Nguyễn Văn Lý (Huế) về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đối tượng này liên tục xuyên tạc, vu cáo và đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được ghi nhận tại Điều 4 Hiến pháp Việt Nam năm 1992, đòi đa nguyên, đa đảng tại Việt Nam. Ngoài các hành vi tuyên truyền chống Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Lý thực hiện, thì việc xử lý hình sự Nguyễn Văn Lý về các hành vi nói xấu, bôi nhọ, đòi thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam với mục đích chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp Việt Nam 1992 ghi nhận "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời" [24] là chưa có cơ sở pháp lý hình sự, đây là thiếu sót của pháp luật hình sự mà các thế lực thù địch thường lợi dụng để chống phá ta.

Khi xem xét khách thể của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong pháp luật hình sự Việt Nam, không thể không đề cập đến đối tượng tác động của tội phạm này. Trong khoa học luật hình sự, đối tượng tác động của tội phạm được hiểu là bộ phận của khách thể của tội phạm, bị hành vi phạm tội tác động đến để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Việc xác định đối tượng tác động của tội phạm có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không chỉ xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội xâm phạm đến quan hệ xã hội mà pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn có ý nghĩa trong việc định tội danh. Với các phương thức, thủ đoạn mà bọn tội phạm thường sử dụng như kêu gọi đấu tranh cho "dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo" ở Việt Nam, mua chuộc, lôi kéo nhân sự thành lập tổ chức, đảng phái chính trị đối lập, mục đích cuối cùng của tội phạm là nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy, có thể khẳng định đối tượng tác động của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong vụ án Phạm Bá Hải cùng đồng bọn phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử sơ thẩm ngày 25/4/2008, đối tượng mà chúng xâm hại là chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phạm Bá Hải cùng Nguyễn Ngọc Quang, Vũ Hoàng Hải, Bạch Hồ... đã tiến hành thành lập tổ chức chính trị phản động mang tên "Bạch Đằng Giang", trong đó tổ chức này, Hải tự phong

cho mình làm "Chủ tịch" mang bí số P32, bí danh là Trang Thiên Long; Nguyễn Ngọc Quang làm "Phó Chủ tịch" mang bí số T2, bí danh Nguyễn Hòa; Vũ Hoàng Hải làm "thành viên" với bí số T1, bí danh Bạch Dương; Bạch Hồ thuộc ban biên tập của trang web phản động "Bạch Đằng Giang" để tán phát bài viết, xuyên tạc, bóp méo sự thật, kích động học sinh, sinh viên chống lại Nhà nước Việt Nam, đòi lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tàng trữ nhiều tài liệu có nội dung tuyên truyền, bóp méo lịch sử... Như vậy, pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành quy định khách thể tội phạm trong cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn khái quát, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới.

2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan [17].

Điều 88 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định nhóm hành vi cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc mặt khách quan của tội phạm gồm: (1) tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; (2) tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân; (3) làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả nhận thấy các hành vi trên thực chất là hoạt động phá hoại tư tưởng của các chủ thể thực hiện tội phạm, trong đó các chủ thể này sử dụng ba hình thức chủ yếu và cơ bản sau:

Thứ nhất, tuyên truyền miệng.

Tuyên truyền miệng là phương thức tuyên truyền do chủ thể tuyên truyền dùng lời nói (có thể kết hợp với các phương tiện, hiện vật có chứa nội dung tuyên truyền như: loa, băng ghi âm...) hoặc bằng việc giao tiếp trực tiếp với quần chúng để truyền đạt những nội dung chống Nhà nước Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Với hình thức này, các đối tượng có thể tuyên truyền một cách công khai hoặc lén lút, bí mật. Chủ yếu ở các dạng sau:

Một là, lợi dụng các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, giảng dạy để tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối tượng tác động của hoạt động này chủ yếu là học sinh, sinh viên, trí thức, cán bộ, nhà khoa học trong cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội... chủ thể hoạt động với hình thức này thường kết hợp phổ biến, tán phát tài liệu, tuyên truyền trước, trong và sau khi diễn ra diễn đàn, hội nghị... Ví dụ: Mariam Hesh Berger vào Việt Nam với danh nghĩa giáo viên tiếng Anh của tổ chức MCC (Hội từ thiện Nhà thờ của Canada và Mỹ), giảng dạy cho trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Đại học Hà Nội). Thông qua việc giảng dạy cho sinh viên, y đã lồng ghép các nội dung vu cáo Việt Nam vi phạm "tự do dân chủ", "nhân quyền", bôi nhọ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đang theo...

Hai là, tuyên truyền miệng dưới dạng sinh hoạt văn hóa, văn nghệ. Đây là hình thức lợi dụng các hoạt động văn hóa, văn nghệ tập thể để các đối tượng tiến hành tuyên truyền, cổ động các quan điểm xấu nhằm chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Địa điểm tiến hành các hoạt động này thường là các tụ điểm sinh hoạt cộng đồng như: các câu lạc bộ, nhà văn hóa, thư viện...

Ba là, tuyên truyền dưới dạng phao tin thất thiệt, tạo dư luận xấu chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là hình thức mà các đối tượng tiến hành thông qua hoạt động gián tiếp, sinh hoạt hàng ngày để

rỉ tai, truyền miệng những thông tin thất thiệt, gây ra sự lo lắng, hoang mang trong quần chúng; làm rối loạn bầu không khí chính trị bình thường của xã hội. Hoạt động này thường xuất hiện rõ vào thời điểm đất nước đang có sự kiện xã hội, chính trị có ảnh hưởng rộng rãi trong nước và quốc tế. Ví dụ như sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội, chính sách đối nội, đối ngoại của nhà nước...

Thứ hai, tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng.

Phương tiện thông tin đại chúng là phương tiện dùng để truyền thông tin đến một số đông đảo công chúng trong xã hội dưới sự điều hành của nhà nước hoặc một tổ chức xã hội. Tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng được tiến hành cả bên ngoài và bên trong lãnh thổ Việt Nam. Nhưng pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành vẫn chưa quy định trách nhiệm hình sự tương ứng trong trường hợp người nước ngoài thực hiện hành vi phạm tội ngoài lãnh thổ Việt Nam, cho nên việc xử lý tội phạm còn chưa triệt để, gặp nhiều lúng túng.

Thứ ba, tán phát tài liệu tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là phương thức tuyên truyền mà các chủ thể của tội phạm tán phát, phổ biến tài liệu có nội dung xấu, chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như gửi tài liệu đến nhiều người, hoặc tán phát dưới dạng nặc danh như tờ rơi, truyền đơn, áp phích, khẩu hiệu... tới các địa bàn đông đúc dân cư như các thành phố lớn: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... vào những thời điểm diễn ra hội nghị, hội thảo quốc tế quan trọng, hoặc những ngày lễ lớn của đất nước, đây là những thời điểm nhạy cảm về chính trị, được sự chú ý đặc biệt của báo chí trong và ngoài nước, sự quan tâm của dư luận thế giới. Thông qua hoạt động tán phát tài liệu tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các đối tượng thù địch tác động tư tưởng của nhân dân, gây nghi ngờ đến tình hình an ninh chính trị trong nước, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự tồn tại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tội có cấu thành tội phạm hình thức. Tội phạm được coi là hoàn thành từ thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện.

Vụ án Lê Nguyên Sang và đồng bọn là ví dụ tiêu biểu cho hoạt động tuyên truyền phá hoại tư tưởng nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử ngày 10/05/2007. Với phương thức hoạt động như: tán phát các tài liệu trên mạng internet, rải truyền đơn có nội dung xuyên tạc chống Đảng, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến các địa bàn đông dân cư như nội thành các Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Định... các đối tượng trong vụ án đã tác động liên tục, có hệ thống tới tư tưởng, nhận thức của quần chúng nhân dân, tạo nên dư luận xấu trong xã hội, sự nghi kỵ với Đảng, với Nhà nước và sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa...; thông qua những hoạt động này, chúng tranh thủ, thu hút lực lượng tham gia tổ chức phản động do chúng lập ra với cái gọi là "Đảng dân chủ nhân dân" và âm mưu sẽ tiến hành tổ chức biểu tình trong dịp Việt Nam tổ chức Hội nghị APEC 14 (tháng 11/2006)... Âm mưu của các đối tượng trong vụ án đã bị lực lượng An ninh phát hiện, kịp thời vô hiệu hóa không để các đối tượng thực hiện, ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn Hội nghị APEC 14.

Như vậy, mặt khách quan của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một yếu tố quan trọng trong cấu thành tội phạm, qua đó có thể phân biệt được tội phạm này với các tội phạm khác trong chương các tội xâm phạm quốc gia nói chung và các tội phạm khác được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999 nói riêng. Nhưng, mặt khách quan của tội phạm của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn chưa đầy đủ, chưa toàn diện, cần sửa đổi bổ sung.

2.1.3. Chủ thể của tội phạm

Trong khoa học luật hình sự, chủ thể của tội phạm được hiểu là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Chủ thể của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành chỉ có thể là con người cụ thể. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc lỗi, nguyên tắc trách nhiệm cá nhân của luật hình sự và cũng phù hợp với mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội. Nhưng không phải ai, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự cũng trở thành tội phạm. Tội phạm theo luật hình sự Việt Nam phải có tính lỗi, người có đủ điều kiện lỗi, để có thể trở thành chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Đó là năng lực nhận thức được ý nghĩa xã hội của hành vi thực hiện và năng lực điều khiển được hành vi theo đòi hỏi tất yếu của xã hội. Để có được năng lực này, con người phải đạt đến độ tuổi nhất định. Do vậy, độ tuổi cũng đã được quy định là điều kiện của chủ thể của tội phạm. Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định như sau:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 1999, tội phạm được quy định tại khoản 1, Điều 88 là tội phạm rất nghiêm trọng với mức cao nhất của khung hình phạt là mười hai mươi năm tù; tại khoản 2 là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với mức cao nhất của khung hình phạt là hai mươi năm tù. Căn cứ vào sự phân tích trên đây, tội phạm thực hiện với lỗi cố ý và căn cứ vào Điều 12 Bộ luật Hình sự thì chủ thể của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên.

Theo quy định tại Điều 88 Bộ luật Hình sự năm 1999, người phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể là bất kì ai, công dân Việt Nam, công dân nước ngoài, người không quốc tịch đạt độ tuổi luật định và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự là người không bị mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi.

Tổng kết công tác xét xử của ngành tòa án từ năm 2000 đến nay, chưa có chủ thể tội phạm nào dưới 18 tuổi, hầu hết các chủ thể tội phạm đều có độ tuổi đã cao, nhận thức chính trị sâu sắc... Thực tiễn đấu tranh với loại tội phạm này cho thấy, người phạm tội phải có ý thức chính trị rõ ràng mới bị xử lý về mặt hình sự. Dưới góc độ nhận thức học và dân tộc học, người Việt Nam từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nhận thức về chính trị chưa sâu sắc, chưa đầy đủ, ở độ tuổi này tâm lý chung là đang độ tuổi ăn, chơi và học hành... Vì vậy, pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành có nên quy định độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này nói riêng và các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung ở tuổi 14 hay không? Nên chăng quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự riêng cho chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia là từ đủ 16 tuổi trở lên cho phù hợp với lý luận và thực tiễn, chặt chẽ về mặt lập pháp.

2.1.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Tội phạm là thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Mặt khách quan là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm, mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội. Với ý nghĩa là một mặt của hiện tượng thống nhất, mặt chủ quan của tội phạm không tồn tại một cách độc lập mà luôn gắn liền với mặt khách quan của tội phạm. Hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội luôn luôn gắn liền với các biểu hiện bên ngoài của tội phạm. Hoạt động tâm lý bên trong của người phạm

tội bao gồm nhiều nội dung khác nhau, những nội dung thuộc mặt chủ quan của tội phạm có ý nghĩa hình sự bao gồm: lỗi, mục đích và động cơ phạm tội, trong đó lỗi được phản ánh trong tất cả cấu thành tội phạm nào. Về nội dung, người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn của họ trong khi có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Về nhận thức, lỗi là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức lỗi cố ý và lỗi vô ý.

Đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lỗi của người phạm tội luôn là lỗi cố ý trực tiếp. Dấu hiệu lỗi cố ý trực tiếp thể hiện: Người phạm tội nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi có thể làm suy yếu hoặc lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng vẫn quyết tâm thực hiện hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra.

Bên cạnh dấu hiệu lỗi, mục đích phạm tội cũng là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - dấu hiệu định tội. Mục đích phạm tội chỉ có với những tội phạm thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội trong trường hợp cố ý trực tiếp nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ thực hiện, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Trong cấu thành tội phạm của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo luật hình sự Việt Nam, bắt buộc phải có dấu hiệu mục đích phạm tội, đó là mục đích "chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Không có mục đích này, người đã thực hiện những hành vi được quy định trong mặt khách quan của tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh khác căn cứ theo Bộ luật Hình sự năm 1999. Dấu hiệu mục đích "chống Nhà nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", đã phản ánh rõ ràng, trực tiếp nhất tính chất chính trị của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là dấu hiệu định tội, cho phép chúng ta phân biệt tội phạm này với các tội phạm khác khi có cùng hành vi tương ứng trong mặt khách quan của tội phạm.

Pháp luật hình sự năm 1985 quy định mục đích chống chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng pháp luật hình sự hiện hành sửa đổi thuật ngữ này thành chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và đây cũng là điều luật duy nhất trong Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định cụ thể mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong cấu thành tội phạm, còn các điều luật khác trong chương các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia thì trực tiếp hoặc gián tiếp quy định mục đích chống chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Thực chất đây là sự thay đổi về mặt hình thức trong kỹ thuật lập pháp, nhưng bản chất, nội hàm bên trong là như nhau. Theo chúng tôi, sự thay đổi này xuất phát từ các lý do sau:

Thứ nhất, pháp luật hình sự năm 1999 sửa đổi tên tội danh thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do đó, mục đích chống chính quyền nhân dân cũng được sửa đổi thành chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phù hợp với tội danh và phù hợp với tinh thần Hiến pháp mới được ban hành, đó là Hiến Pháp năm 1992. Điều 2 Hiến pháp năm 1992 quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức" [24]. Vì vậy, chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chống lại nhân dân, chống lại quyền lực công, do đó pháp luật hình sự quy định các hành

vi nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.

Thứ hai, nếu pháp luật hình sự hiện hành vẫn sử dụng thuật ngữ "nhằm chống chính quyền nhân dân" trong cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì về kỹ thuật lập pháp là không thống nhất giữa tội danh và các quy phạm trong điều luật, ngoài ra trong quá trình áp dụng pháp luật, đặc biệt trong quá trình chứng minh tội phạm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người tiến hành tố tụng sẽ gặp rất nhiều khó khăn, bên cạnh đó, các thế lực thù địch có thể lợi dụng những sơ hở này để đả kích chống phá ta. Do vậy, việc sửa đổi thành thuật ngữ chống chính quyền nhân dân thành chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hợp lý và chặt chẽ.

Khi thực hiện mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xu hướng phổ biến của những người phạm tội là hình thành các nhóm người đồng phạm. Việc xác định đồng phạm dựa trên cơ sở chứng minh tội phạm có cùng mục đích phạm tội là chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cụ thể:

- Những người đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội đều nhằm làm suy yếu Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiến tới lật đổ chính quyền, thay đổi chế độ xã hội.

- Người đồng phạm biết rõ mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của người khác nhưng do những động cơ khác nhau đã chấp nhận mục đích đó và tiến hành một hoặc các hành vi: tổ chức, xúi giục, giúp sức hay cùng thực hiện hành vi phạm tội với người này.

Nếu không chứng minh được dấu hiệu mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì không thể quy kết đồng phạm về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc chứng minh dấu hiệu mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, song đây là vấn đề thuộc phạm trù chủ quan của tội phạm, cho nên việc chứng minh nó rất phức tạp. Thực tiễn chỉ ra rằng, để xác định mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của người phạm tội, chúng ta phải phân tích các tình tiết thuộc về hành vi khách quan mà người đó thực hiện và các tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội. Trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện hai loại tình tiết trên, mới có thể xác định được mục đích phạm tội một cách đúng đắn.

Đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, động cơ phạm tội có thể rất khác nhau (hận thù giai cấp, bất mãn chế độ, vụ lợi...), nhưng động cơ không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm này, mà chỉ là căn cứ để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp với người phạm tội.

2.2. HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

"Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước và được quyết định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hoặc hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự" [3, tr. 675]. Hình phạt được áp dụng với người bị kết án nhằm mục đích góp phần phục hồi lại công lý, công bằng xã hội; cải tạo và giáo dục những người bị kết án, đồng thời ngăn ngừa họ phạm tội mới; góp phần giáo dục các thành viên khác trong xã hội ý thức tôn trọng, tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; hỗ trợ cho cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Điều 88 Bộ luật Hình sự hiện hành quy định về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hình phạt áp dụng cho tội danh này gồm 2 khung:

a. Khung cơ bản: phạt tù từ ba năm đến mười hai năm đối với việc thực hiện một trong những hành vi:

- Tuyên truyền, xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân;
- Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Khung tăng nặng: phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm đối với trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

"Trường hợp đặc biệt nghiêm trọng" là thuật ngữ pháp lý mà pháp luật hình sự thường sử dụng, nhưng cho đến nay vẫn chưa có văn bản pháp lý nào hướng dẫn, giải thích cụ thể thế nào là "trường hợp đặc biệt nghiêm trọng". Giáo trình luật hình sự Việt Nam cho rằng: "Trường hợp đặc biệt nghiêm trọng như sử dụng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, gây ra hậu quả nghiêm trọng..." [17, tr. 357]. Do chưa có hướng dẫn, cho nên trong quá trình điều tra, truy tố, đặc biệt trong giai đoạn xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng rất lúng túng, khó khăn, thiếu thống nhất.

Nguyên tắc xử lý của Nhà nước ta đối với tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng được pháp luật hình sự chỉ rõ:

Nghiêm trị bọn chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt,

có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra [25].

Quán triệt tinh thần trên, trong quá trình điều tra, xử lý, đặc biệt trong giai đoạn quyết định hình phạt đối với người phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền cần chú ý đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999:

(a) Phạm tội có tổ chức; (b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; (c) Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội; (d) Phạm tội có tính chất côn đồ; (đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn; (e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; (g) Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; (h) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác; (i) Xâm phạm tài sản Nhà nước; (k) Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; (l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; (m) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; (n) Xúi giục người chưa thành niên phạm tội; (o) Có hành động hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm [25].

Thực tiễn đấu tranh chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, chỉ một số điểm tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được áp dụng để xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này như:

- Điểm a khoản 1: Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm đặc biệt, là trường hợp phạm tội có từ 2 người trở lên, có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội, có sự bàn bạc, phân công giữa những người thực hiện tội phạm.

- Điểm c khoản 1: Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội. Đây là hình thức rất nguy hiểm vì hậu quả để lại của hành vi lợi dụng chức quyền hạn để phạm tội rất khó lường, có ảnh hưởng, tác động sâu rộng đến tầng lớp nhân dân.

- Điểm g khoản 1: Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Phạm tội nhiều lần là phạm từ hai tội trở lên, mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều (hoặc khoản của điều) tương ứng trong phần riêng Bộ luật Hình sự, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng. Tái phạm nguy hiểm là trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa xác định xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý hoặc đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý.

- Điểm k khoản 1: Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Hậu quả của tội phạm là những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Hậu quả này có thể ảnh hưởng đến chính trị hoặc tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân... Do đó, việc đánh giá hậu quả do tội phạm gây ra phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ để xác định là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng.

Ngoài các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng thường được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cụ thể là:

- Điểm k khoản 1: Phạm tội do lạc hậu, trường hợp này thực tiễn rơi vào các đối tượng là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí thấp, việc tiếp nhận các thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn rất hạn chế, do đó, họ là các đối tượng mà các thế lực thù địch hướng tới nhằm mua chuộc, lôi kéo, kích động tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Trong hai vụ bạo loạn tại Tây Nguyên năm 2001 và 2004, hầu hết các đối tượng là người dân tộc Êđê, Jarai, Mnông..., đời sống kinh tế khó khăn, lạc hậu. Các đối tượng phản động ở nước ngoài đã triệt để khai thác, lợi dụng nhược điểm này, thông qua số cầm đầu cốt cán trong nước, chúng đã gửi tiền và tán phát các tài liệu, sách báo và đĩa CD, VCD... có nội dung kích động, tuyên truyền luận điệu phá hoại, hình thành tư tưởng ly khai, tự trị với "Nhà nước Đêga" độc lập cho người Thượng (người Tây Nguyên), yêu cầu Nhà nước Việt Nam công nhận và tôn trọng chủ quyền quốc gia riêng....

- Điểm o khoản 1: Người phạm tội tự thú, là trường hợp phạm tội chưa bị phát giác mà người phạm tội tự nguyện, tự giác thành thật thú tội với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Người tự thú khai rõ về hành vi phạm tội của mình, cũng như của đồng bọn mà chưa ai biết, góp phần giúp cơ quan có thẩm quyền điều tra, khám phá hoạt động chống chính quyền nhân dân.

- Điểm p khoản 1: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Trong quá trình điều tra, xét xử, người phạm tội do nhận thức được những hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, tự nguyện khai báo giúp

cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử thuận lợi. Vụ án Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân là ví dụ điển hình, trong quá trình điều tra, xét xử vụ các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, tàng trữ các tài liệu có nội dung nói xấu Đảng, Nhà nước Việt Nam. Tại phiên Tòa xét xử phúc thẩm ngày 27/11/2007, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân thừa nhận đã đọc, tán phát, tuyên truyền tài liệu và các thông tin có nội dung xấu mà y thu thập được như: "Quyền tự do thành lập đảng ở Việt Nam", "Dân chủ và chế độ dân chủ ở Việt Nam", "Nhật ký dân oan"... Ngoài ra, các đối tượng cũng thừa nhận đã trực tiếp gặp và trao đổi với Nguyễn Văn Lý (đối tượng cực đoan trong Thiên chúa giáo đã nhiều lần bị xét xử về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), tham gia và ủng hộ tích cực các tổ chức chống Nhà nước của Nguyễn Văn Lý. Do việc khai báo thành khẩn, giúp cho việc phát hiện, điều tra vụ án được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời, triệt để nên hậu quả thực tế của vụ án được hạn chế. Vì vậy, Tòa án đã áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 cho các đối tượng trong vụ án nên Nguyễn Văn Đài chỉ phải chịu phạt 4 năm tù, Lê Thị Công Nhân phải chịu phạt 3 năm tù, đây là mức thấp nhất của khung hình phạt trong cấu thành cơ bản của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Như vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội nhận ra và sửa chữa lỗi lầm. Đồng thời cũng có biện pháp xử lý, ngăn chặn, nghiêm khắc đối với người phạm tội khó cải tạo và ăn sâu tư tưởng chống đối. Chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước thường xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống pháp luật và chính sách hình sự nước ta.

Ngoài hình phạt chính áp dụng đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Hình sự năm 1999 còn quy định các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng đối với người phạm

tội, cụ thể là: 1). Tước một số quyền công dân từ 01 đến 05 năm; 2). Phạt quản chế từ 01 đến 05 năm; 3). Tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

2.3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỪ NĂM 1985 ĐẾN NAY

Áp dụng pháp luật là hoạt động thực hiện pháp luật của cơ quan nhà nước. Nó vừa là một hình thức thực hiện pháp luật, vừa là cách thức nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện pháp luật. Mục đích trực tiếp của áp dụng pháp luật là bảo đảm cho những quy phạm pháp luật được vật chất hóa trong đời sống thực tế. Thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật cho thấy, có những trường hợp nếu không có sự can thiệp của Nhà nước, thì nhiều quy phạm pháp luật sẽ không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng.

Trong quan hệ pháp luật hình sự, chủ thể của quan hệ pháp luật là nhà nước và người phạm tội. Nhà nước là chủ thể đặc biệt, có quyền năng, có thể buộc người phạm tội phải thực hiện các biện pháp cưỡng chế do thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm. Người phạm tội là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, có thể phải gánh chịu những hậu quả pháp lý bất lợi do nhà nước quy định, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi mình gây ra, trong đó hình phạt là chế tài nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên, người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội của mình, không phải ngay lập tức phải gánh chịu những chế tài pháp luật hình sự. Để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện một loạt các hoạt động tổ tụng theo trình tự, thủ tục luật định nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, ấn định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, đó có thể là hình phạt, các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp pháp lý hình sự khác. Ở đây, cần có hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

trong hoạt động tố tụng hình sự như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhằm điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội, và Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền tuyên bố người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội ấy có là người phạm tội hay không, phạm tội gì, và hình phạt tương ứng. Như vậy, áp dụng pháp luật hình sự có thể được hiểu như sau: áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động mang tính tổ chức, quyền lực của Nhà nước được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, và những người có thẩm quyền hoạt động tố tụng hình sự nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật hình sự vào các trường hợp cụ thể đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Áp dụng pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với những người tiến hành hành vi tuyên truyền chống Nhà nước, chỉ được tiến hành bởi cơ quan có thẩm quyền là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án được phân định theo thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử. Việc áp dụng các quy định pháp luật về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với người thực hiện hành vi phạm tội được đảm bảo thực hiện bởi sự cưỡng chế của Nhà nước.

Từ khi Bộ luật Hình sự năm 1985 được ban hành, theo số liệu báo cáo thống kê tình hình xét xử các vụ án tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định là tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) có chiều hướng giảm, trong một số năm sau khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999 hầu như không có tội phạm nào đưa ra xét xử, nhưng từ năm 2007 trở lại đây, thì loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng, với hành vi phạm tội tinh vi, xảo quyệt, có sự chỉ đạo của các cá nhân, tổ chức phản động ở bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Cụ thể:

- Từ năm 1985 đến năm 1999: Có 82 vụ tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa trên tổng số 290 vụ phạm tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, chiếm 28,2%.

- Từ năm 2000 đến tháng 5/2009 có 07 vụ với 19 bị cáo phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trên tổng số 184 vụ phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, chiếm 3,8%. Tổng số các vụ án thụ lý trong 5 năm (từ 2004 đến hết 2008) là 232 vụ với 516 bị cáo về các tội xâm phạm an ninh quốc gia (trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát điều tra bổ sung 10 vụ/13 bị cáo, đình chỉ xét xử 01 vụ với 04 bị cáo), đã xét xử 184 vụ với 413 bị cáo; số vụ còn lại là 37 vụ với 86 bị cáo được tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong số 184 vụ với 413 bị cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, Tòa án đã xét xử gồm các tội danh cụ thể như sau:

- Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: 03 vụ với 05 bị cáo;

- Tội gián điệp: 16 vụ với 37 bị cáo;

- Tội bạo loạn: 02 vụ với 03 bị cáo;

- Tội khủng bố: 01 vụ với 03 bị cáo;

- Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: 01 vụ với 01 bị cáo;

- Tội phá hoại chính sách đoàn kết: 129 vụ với 275 bị cáo;

- Tội phá rối an ninh: 09 vụ với 32 bị cáo;

- Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân: 16 vụ với 38 bị cáo;

- Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: 7 vụ với 19 bị cáo.

Trong những năm gần đây, vụ án Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân đã gây sự chú ý của dư luận trong và ngoài nước, đặc biệt vụ án này được xét xử ngay sau khi kết thúc sự kiện Hội nghị APEC 14 tại Hà Nội. Thông qua vụ án này, chúng ta có thể khẳng định trong giai đoạn hiện nay việc tiếp tục ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong pháp luật hình sự Việt Nam là hết sức cần thiết.

Ngày 27/11/2007, tại Hà Nội, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo kháng cáo của các bị cáo là:

1. Nguyễn Văn Đài (1969) trú tại phòng 302, nhà Z8, tập thể Bách Khoa, phường Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Lê Thị Công Nhân (1979) trú tại phòng 48 (nay là phòng 316), nhà A7, tập thể Văn phòng Chính phủ, phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 153/2007/HSST ngày 11/5/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cả hai bị cáo từng là luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thiên Ân - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Ngày 03/02/2007, Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội phát hiện Lê Thị Công Nhân đang tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dân chủ, nhân quyền cho 03 sinh viên khoa Báo chí Trường Cao đẳng Phát thanh truyền hình I Hà Nam là: Đồng Thị G, Giáp Văn H và Khổng Văn T tại Văn phòng luật sư Thiên Ân do Nguyễn Văn Đài làm Trưởng văn phòng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp Văn phòng luật sư Thiên Ân, nhà ở của Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Cơ quan An ninh đã phát hiện và thu giữ của Nguyễn Văn Đài 121 đầu tài liệu, 02 ổ cứng máy tính, 05 CPU và 02 máy tính xách tay, 01 webcam, 01 modem; thu giữ của Lê Thị Công Nhân 25 đầu tài liệu, 01 CPU; các tài liệu thu giữ dưới dạng văn bản hoặc

dạng thông tin được lưu trữ trên các ổ cứng máy tính đều có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Một số tài liệu có nội dung xuyên tạc, phỉ báng, chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết liệt như: 457 trang tài liệu viết tay đề tên Quốc Quốc thu giữ của Nguyễn Văn Đài xuyên tạc một cách có hệ thống về chủ nghĩa xã hội, về thành quả cách mạng, về sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước của dân tộc, về các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta; 04 trang tài liệu đánh máy đề tên Đoàn Hòa Bình thu giữ của Nguyễn Văn Đài có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...; 04 trang tài liệu đánh máy có tiêu đề những bí ẩn về tân Thủ tướng Việt Nam thu giữ của Nguyễn Văn Đài trong đó xuyên tạc, phỉ báng các đồng chí lãnh đạo Chính phủ; tài liệu nhật ký dân oan có trong máy tính thu giữ tại văn phòng của Nguyễn Văn Đài có nội dung xuyên tạc về tình hình khiếu kiện, vu khống cho rằng lực lượng Công an đàn áp người dân khiếu kiện ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Cơ quan điều tra cũng phát hiện và thu giữ nhiều tài liệu chống đối khác do các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước làm ra đã bị Nhà nước ta cấm lưu hành như cuốn: "Dân chủ - Nhân quyền tại Việt Nam", cuốn "Khát vọng ngàn đời" của Nguyễn Thanh Giang; tài liệu "Tự do ngôn luận"; tài liệu "Tổ quốc", tài liệu "Tự do dân chủ"; tài liệu "tuyên ngôn tự do dân chủ cho Việt Nam" của khối 8406...

Kết quả điều tra còn xác định được, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2006 đến khi bị bắt, Nguyễn Văn Đài đã tổ chức mở một số lớp học tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xuyên tạc tình hình đất nước, bôi nhọ các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; tuyên truyền, ca ngợi một số tổ chức bất hợp pháp do các đối tượng chống đối trong và ngoài nước thành lập như: "Đảng dân chủ của thế kỷ 21"; "Đảng thẳng tiến Việt Nam"; "Khối 8406". Các học viên tham dự lớp học

được phát tài liệu, tiền thậm chí được hứa hẹn sẽ được nhận tài trợ đi du học, được giúp đỡ tạo việc làm.

Ngoài việc làm ra, tàng trữ, tuyên truyền các tài liệu có nội dung chống đối trên, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân còn nhiều lần viết bài, trả lời phỏng vấn các đài, báo nước ngoài với nội dung tuyên truyền, xuyên tạc chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ năm 2006 đến khi bị bắt, Nguyễn Văn Đài thường xuyên liên lạc và nhận sự chỉ đạo của cá nhân, tổ chức nước ngoài như Vũ Quốc D (phụ trách Ban châu Á thuộc tổ chức "Mạng lưới nhân quyền quốc tế" ở Đức); Nguyễn Đình T (cầm đầu tổ chức "Mạng lưới nhân quyền quốc tế" ở Mỹ).

Bên cạnh việc câu kết với bên ngoài, Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân còn gặp gỡ, liên kết với các đối tượng chống đối cực đoan ở trong nước. Tháng 7/2006, Nguyễn Văn Đài gặp Nguyễn Văn Lý ở Huế, gặp Đỗ Nam Hải và một số đối tượng chống đối khác để tổ chức hoạt động chống Nhà nước Việt Nam; còn Lê Thị Công Nhân đã ký tên ủng hộ "Tuyên ngôn tự do - dân chủ cho Việt Nam" vào đầu năm 2006, tháng 7/2006, Nhân chính thức tham gia khối "8406", tham gia "Đảng thắng tiến Việt Nam" với tư cách là phát ngôn viên của "Đảng" này để xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân đến dư luận trong và ngoài nước.

Kết thúc phiên Tòa xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên Nguyễn Văn Đài phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với hình phạt chính 04 năm tù, phạt quản chế 04 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; Lê Thị Công Nhân phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với hình phạt chính là 03 năm tù, phạt quản chế 03 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Dưới góc độ lý luận luật hình sự, chúng ta có thể phân tích ví dụ trên theo từng cấu thành của tội phạm để thấy rõ bản chất của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Khách thể của tội phạm: Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công đã xâm phạm đến sự tồn tại và vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bằng các hành vi tàng trữ, lưu hành, tán phát tài liệu có nội dung xấu, bôi nhọ, bóp méo sự thật... bọn chúng đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam... Chúng đã xâm phạm nghiêm trọng đến khách thể loại của tội phạm là an ninh quốc gia.

- Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện rất rõ đó là các đối tượng trong vụ án đã tiến hành tổ chức mở lớp học tại Văn phòng luật sư Thiên Ân, Hà Nội để tuyên truyền, xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tán phát các tài liệu có nội dung phản động đến các học viên là sinh viên khoa Báo chí Trường Cao đẳng Phát thanh truyền hình I, Hà Nam. Ngoài ra, Nguyễn Văn Đài còn viết, tàng trữ, lưu hành các tài liệu có nội dung thù địch đã bị Nhà nước ta cấm lưu hành như: "Khát vọng ngàn đời" của Nguyễn Thanh Giang, "Tự do ngôn luận", "Tự do dân chủ" tại nhà riêng và văn phòng làm việc...

- Mặt chủ quan của tội phạm: Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân là cố ý trực tiếp xâm phạm trực tiếp đến sự tồn tại và vững mạnh chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng nhận thức rõ hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật hình sự Việt Nam, nhận biết hậu quả có thể xảy ra, cũng như chế tài áp dụng đối với các hành vi do chúng gây ra, điều đáng nói là Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân là những trí thức, là luật sư có trình

độ am hiểu sâu sắc về pháp luật, nhưng chúng vẫn quyết tâm thực hiện đến cùng các hành vi phạm tội đó. Qua đây, có thể chứng minh lỗi trong mặt chủ quan của tội phạm là lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích của Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân là nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay đổi chế độ chính trị tại Việt Nam, với mục đích như vậy, chúng chủ động mở lớp học, tuyên truyền, tán phát tài liệu có nội dung chống Đảng, chống Nhà nước; lưu trữ các tài liệu đó trong máy tính, tại văn phòng và tán phát lên trên mạng internet, hoặc đưa cho các đối tượng khác, đồng thời tiến hành lôi kéo các đối tượng trong lớp học và các đối tượng khác tham gia hoạt động chống đối.

- Chủ thể của tội phạm: Đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chủ thể của tội phạm là bất kỳ ai, có thể là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài. Nguyễn Văn Đài (1969) và Lê Thị Công Nhân (1979) đều là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình, là chủ thể của tội phạm này.

Qua nghiên cứu thực tiễn các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khác được đưa ra xét xử từ năm 2000 trở lại đây, cùng hơn 50 vụ án xâm phạm an ninh quốc gia khác, có thể đưa ra một số nhận xét cơ bản sau:

Thứ nhất, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội cao, được xếp trong chương "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia". Bởi vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có nghĩa vụ chứng minh mục đích phạm tội "chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Chỉ khi chứng minh được mục đích phạm tội này, người thực hiện hành vi phạm tội mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên,

việc chứng minh mục đích phạm tội không hề đơn giản, vì đây là phạm trù thuộc yếu tố chủ quan của người phạm tội. Để chứng minh được mục đích chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền, người tiến hành tố tụng phải phân tích tổng hợp những hành vi trong mặt khách quan và nhân thân người phạm tội...

Thứ hai, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong những năm gần đây có chiều hướng diễn biến phức tạp. Số liệu tổng kết của ngành Tòa án cho thấy, từ năm 1985 đến năm 1999, số vụ án tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa được đưa ra xét xử là 82 vụ án trên tổng số 290 vụ án phạm tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, chiếm 28,2%, nhưng sau khi Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực cho đến nay, số án vụ được đưa ra xét xử giảm rõ rệt, chỉ xét xử 07 vụ án với 19 bị cáo, hầu hết số vụ tập trung vào hai năm 2007 và 2008. Theo thống kê, năm năm trở lại đây, có 184 vụ án với 413 bị cáo được đưa ra xét xử về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có 07 vụ án với 19 bị cáo, chiếm 3,8%. Điều đáng chú ý, từ năm 2000 đến 2006, không có vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nào được đưa ra xét xử, trong khi đó chỉ trong hai năm 2007 và 2008 có đến 07 vụ án được đưa ra xét xử, riêng năm 2007 có tới 06 vụ án, năm 2008 có 01 vụ án giảm 60% so với năm 2007.

Thứ ba, việc xử lý các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thời gian qua đã đáp ứng được yêu cầu bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương và trong cả nước. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng với tính chất là những tội phạm trực tiếp uy hiếp sự tồn tại vững mạnh của chế độ chính trị của Nhà nước ta, có ảnh hưởng lớn về chính trị, về đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước...

Thời gian qua, việc đưa ra xử lý các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đáp ứng được yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, trong đó, các cơ quan ban, ngành có liên quan đã chủ động phối hợp, tham mưu cho các cấp ủy Đảng đường lối xử lý một cách có hiệu quả, đúng pháp luật, bảo đảm an ninh chính trị tại địa phương và trong phạm vi cả nước. Do vậy, Việt Nam được đánh giá là một trong các quốc gia có nền chính trị ổn định trên thế giới.

Thứ tư, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, cần áp dụng pháp luật hình sự một cách linh hoạt, có sự cân nhắc, tính toán đến nhiều mặt, đặc biệt là phục vụ yêu cầu chính trị. Xuất phát từ tính "nhạy cảm" của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người tiến hành tố tụng luôn luôn phải cân nhắc, tính toán đến "cái được", "cái mất", nếu đưa vụ án ra xử lý trước pháp luật. Khi xử lý các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta phải quán triệt được ba yêu cầu: yêu cầu chính trị, yêu cầu pháp luật, yêu cầu nghiệp vụ. Thực tiễn trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, rất nhiều trường hợp một hành vi phạm tội cấu thành hai hay nhiều tội phạm khác nhau, trong đó có cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng do yêu cầu chính trị, đối ngoại và tình hình thực tế của đất nước, chúng ta phải linh hoạt, khéo léo, sắc bén trong việc xử lý tội phạm, có thể xét xử về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân theo quy định tại Điều 258 Bộ luật Hình sự năm 1999 hoặc cũng có thể là một số tội danh tương ứng khác được quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật này.

Thứ năm, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một tội xâm phạm an ninh quốc gia mang tính phức tạp đòi hỏi phải lựa chọn thời điểm điều tra, truy tố, xét xử cho phù hợp, đảm bảo ổn định tình hình chính trị của đất nước. Đây là công việc rất quan trọng trong việc xử lý tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cần có sự thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành hữu quan trong hệ thống chính trị, không chỉ thu hẹp trong phạm vi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền, mà phải có sự phối hợp tích cực, chặt chẽ của các cơ quan báo chí, truyền thanh, truyền hình, dân vận... để việc xử lý tội phạm đạt kết quả cao nhất. Đồng thời, phải tranh thủ được sự ủng hộ của dư luận quần chúng nhân dân, vì các đối tượng trong vụ án thường lợi dụng chiêu bài đấu tranh cho "tự do, dân chủ, nhân quyền", "tự do tôn giáo", "tự do báo chí, tự do hội họp"... để chống phá Nhà nước ta, nếu chúng ta không làm tốt công tác vận động quần chúng, vạch trần hành vi phạm tội của các đối tượng, thì rất dễ bị các đối tượng thù địch kích động, lôi kéo quần chúng tiến hành bạo loạn, phá rối an ninh. Do vậy, trước khi tiến hành xử lý về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta phải tính toán, xác định thời điểm hợp lý nhất, có lợi về chính trị nhất. Đây cũng là lý do tại sao số lượng các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong năm 2007 tăng đột biến có tới 06 vụ trên tổng số 07 vụ từ năm 2000 đến nay.

Thứ sáu, các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là các vụ án quan trọng, có tính "nhạy cảm" về chính trị, vì vậy thực tiễn xét xử cho thấy, để giải quyết vụ án đúng hướng, không tạo sơ hở thiếu sót thì phải có sự phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo đồng bộ của lãnh đạo giữa ba cơ quan: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và các vụ tuyên truyền chống Nhà

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng được bắt đầu từ khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án và kết thúc khi Tòa án xét xử ra bản án có hiệu lực pháp luật. Quá trình tố tụng gồm các giai đoạn điều tra - truy tố - xét xử và thi hành án. Trong đó, xét xử là khâu rất quan trọng, phán quyết một người có hay không có tội. Do vậy, để xét xử vụ án đạt hiệu quả tốt thì hoạt động điều tra phải đảm bảo thu thập đầy đủ các chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định, Viện kiểm sát truy tố phải đúng người, đúng hành vi phạm tội và đúng pháp luật. Vì thế, sự phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo đồng bộ của lãnh đạo ba cơ quan này là hết sức cần thiết và quan trọng, quyết định đến việc giải quyết đúng đắn vụ án, đặc biệt với tính chất "nhạy cảm" về chính trị của các vụ tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, ở đâu dù có khó khăn phức tạp đến mấy, nhưng nếu có sự phối hợp chặt chẽ trong các khâu điều tra, truy tố, xét xử thì việc giải quyết các vụ án không chỉ nhanh về tiến độ mà kết quả giải quyết còn đạt hiệu quả cao. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phối hợp trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta cần có sự nhìn nhận, đánh giá kết quả công tác này trong những năm qua, tìm ra những khiếm khuyết để khắc phục, tìm giải pháp mới, cách thức phối hợp mới, phù hợp hơn để trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án này ngày một tốt hơn.

Như vậy, thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy việc sửa đổi bổ sung điều luật này cho phù hợp với tình hình thực tế là yêu cầu tất yếu khách quan, đồng thời trong quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần chú ý đến các yêu cầu chính trị, pháp luật và nghiệp vụ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong 14 tội được quy định tại chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia, do vậy, tội phạm này có các dấu hiệu pháp lý chung của cấu thành tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn có những dấu hiệu pháp lý hình sự đặc trưng. Qua nghiên cứu, phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự này, chúng ta thấy trong cấu thành tội phạm này, còn có một số hạn chế, cần sửa đổi, bổ sung hoặc cần có sự giải thích pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để thống nhất áp dụng pháp luật.

Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, những năm trở lại đây tội phạm này có diễn biến phức tạp. Theo thống kê của ngành Tòa án nhân dân từ năm 2000 trở lại đây, so với các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia khác, thì tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chiếm tỉ lệ không lớn, nhưng diễn biến phức tạp, không chỉ bởi âm mưu, phương thức hoạt động tuyên truyền, mà đứng sau hoạt động đó, có "bàn tay" chỉ đạo của các tổ chức phản động người Việt lưu vong, người nước ngoài... Do vậy, khi tiến hành xử lý tội phạm này, cơ có thẩm quyền và người tiến hành tố tụng cần phải quán triệt được cả ba yêu cầu: chính trị, pháp luật và nghiệp vụ. Việc xử lý phải đúng thời điểm, phải tranh thủ được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân trong cách xử lý, không làm ảnh hưởng đến đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, để đấu tranh, xử lý tội phạm này một cách có hiệu quả cần có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất chỉ đạo của các ban ngành hữu quan.

Chương 3

HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

3.1. SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN PHẢI HOÀN THIỆN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sự cần thiết khách quan phải hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xuất phát trên cơ sở thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội phạm này và những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật.

Nghiên cứu tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, về cơ bản các quy định của Điều 88 đã đạt được những thành tựu nhất định về lập pháp hình sự, quy định nhóm hành vi nguy hiểm xâm hại đến sự vững mạnh chính quyền nhân dân và sự tồn tại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần phải nghiêm khắc trừng trị. Bên cạnh những ưu điểm đó, các quy định trong điều luật này còn bộc lộ một số hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hoạt động chứng minh, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội thể hiện dưới một số khía cạnh:

Một là, khách thể trực tiếp của tội phạm này được phản ánh trong điều luật còn khái quát, chung chung dẫn tới hoạt động chứng minh của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đối với các vụ án phạm tội

này gặp khó khăn, lúng túng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng gặp khó khăn, lúng túng trong công tác hướng dẫn, giải thích luật.

Hai là, việc liệt kê nhóm hành vi trong cấu thành tội phạm chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với loại tội phạm này, đồng thời có sự giao thoa giữa hành vi của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một số tội phạm khác trong chương các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, gây khó khăn cho việc chứng minh, xác định đối tượng chứng minh, phạm vi chứng minh và định tội danh.

Ba là, việc phân chia khung hình phạt và xây dựng cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa hợp lý. Trong lần pháp điển hóa pháp luật hình sự lần thứ hai, một trong những nguyên tắc lập pháp được quán triệt trong xây dựng cấu thành tội phạm và phân chia khung hình phạt là nguyên tắc phân hóa tội phạm, do vậy, nhà làm luật đã chia tội phạm thành bốn loại tương ứng được quy định tại Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trên cơ sở đó và căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi nhà làm luật đã chia tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hai cấu thành đó là cấu thành tội phạm cơ bản và cấu thành tăng nặng tương ứng với hai khung: khung cơ bản và khung tăng nặng, chưa quy định cấu thành giảm nhẹ. Cách phân chia như vậy, một mặt thể hiện sự không thống nhất trong xây dựng luật, mặt khác làm cho việc áp dụng luật, điều tra, xử lý gặp khó khăn. Mặt khác, việc quy định khung hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 1999 có khoảng cách giữa mức thấp nhất và cao nhất của khung hình phạt tù có thời hạn quá rộng (khung cơ bản từ ba năm đến mười hai năm, khung tăng nặng từ mười năm đến hai mươi năm), việc phân chia này sẽ gây khó khăn cho công tác xét xử, quyết định hình phạt và dễ dẫn tới lạm quyền từ phía người có thẩm quyền áp dụng pháp luật

Riêng về cấu thành của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm pháp lý khác nhau như:

Loại ý kiến thứ nhất, đề nghị sửa đổi nội dung cấu thành tội phạm của tội phạm này theo hướng mô tả hành vi tuyên truyền, kích động bạo lực chống Nhà nước.

Loại ý kiến thứ hai, đề nghị sửa đổi theo hướng mô tả hành vi bôi nhọ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Loại ý kiến thứ ba cho rằng, trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử thời gian qua hầu như không áp dụng điều luật này mà áp dụng Điều 258 - Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân để khởi tố, điều tra, xử lý những người vì mục đích chống nhân dân có hành vi tuyên truyền chống Đảng Cộng sản Việt Nam, chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vì vậy nên loại bỏ điều luật này đồng thời cũng là để tránh bất lợi về mặt đối ngoại.

Chúng tôi cho rằng, mặc dù trong thực tiễn, chúng ta ít áp dụng Điều luật này để xét xử, nhưng nó vẫn là căn cứ pháp lý cần thiết để các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh với những hành vi phạm tội này (sau đó có thể xử lý theo tội danh Điều 258 Bộ luật Hình sự năm 1999 để đảm bảo yêu cầu chính trị, nghiệp vụ). Vì vậy, theo chúng tôi cần giữ lại tội danh này nhưng nên có hướng dẫn cụ thể cho phù hợp với thực tiễn đấu tranh chống loại tội phạm này hiện nay.

Bốn là, thực tiễn xét xử tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam những năm gần đây cho thấy quy mô tổ chức tuyên truyền không còn giới hạn trong phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam, hoặc do người Việt Nam ở trong nước thực hiện mà đã vượt ra khỏi phạm

vi lãnh thổ quốc gia, do người Việt Nam ở nước ngoài hoặc một số tổ chức nước ngoài đứng đằng sau giết dây, tài trợ hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước ta, nhưng pháp luật hình sự năm 1999 chưa điều chỉnh vấn đề này. Mặt khác, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội ngày càng tinh vi hơn, thành phần tham gia ngày càng phức tạp hơn...

Do vậy, yêu cầu tất yếu khách quan đặt ra cho nhà làm luật trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền phải hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam nói chung và hoàn thiện các quy phạm pháp luật trong chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng, trong đó có tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là hết sức quan trọng và cần thiết. Đây cũng chính là mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đảng và Nhà nước ta đặt lên hàng đầu trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiến tới xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam lên tầm cao mới, ngang tầm với sự phát triển của pháp luật khu vực và pháp luật quốc tế. Có như vậy, chúng ta mới có thể đảm bảo vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chống lại các âm mưu đen tối của các thế lực thù địch.

3.2. HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Pháp luật là phương tiện đặc biệt quan trọng của nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia. Vì vậy, phải quán triệt sâu sắc nội dung yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia khi xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia không chỉ thể hiện ở các quy phạm trực tiếp liên quan đến an ninh quốc gia, mà bao gồm tất cả các quy phạm pháp luật thuộc hệ thống pháp luật của nhà nước. Yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và tội

tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng đòi hỏi cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới đặc biệt sau khi Luật an ninh quốc gia, Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo... được ban hành. Vì vậy, chúng tôi xin đề xuất:

Thứ nhất, hướng hoàn thiện những quy định pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là sửa đổi, bổ sung nội dung tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phù hợp với tình hình hiện nay, cũng như đáp ứng yêu cầu khách quan cần nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về tội phạm này. Ngoài việc sửa đổi, bổ sung Điều 88, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản dưới luật hướng dẫn các hành vi tương ứng thay vì liệt kê như pháp luật hiện hành.

Điều 88 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên được sửa đổi, bổ sung như sau:

Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

1. *Người nào nhằm mục đích chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà tuyên truyền, phá hoại tư tưởng hoặc làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung thù địch, bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm.*

2. *Phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm*

3. *Phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì bị phạt tù từ ba năm đến năm năm.*

Thứ hai, cần thiết mở rộng diện miễn trách nhiệm hình sự đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mở rộng diện miễn trách nhiệm hình sự là phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay trong việc giải

quyết vụ án, xử lý các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Trong công trình nghiên cứu về khoa học pháp lý hình sự do PGS.TSKH Lê Cẩm (chủ biên) "Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền" nêu ra điều kiện để xét miễn trách nhiệm hình sự như sau: Chỉ nên quy định thành hai nhóm: nhóm thứ nhất căn cứ về nhân thân, tức là chỉ căn cứ quy định khái quát là người phạm tội có nhân thân tốt hoặc chưa có tiền án, tiền sự; nhóm thứ hai là căn cứ liên quan đến can phạm sau khi phạm tội hoặc lý do phạm tội. Điều kiện này bao gồm nhiều tình tiết cụ thể và chỉ căn cứ vào một tình tiết đó là cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền có thể xem xét để miễn trách nhiệm hình sự, chẳng hạn: tự thú, khai báo rõ sự việc, lập công chuộc tội... Trong các tình tiết nêu ở loại thứ hai này có một số tình tiết đã được quy định tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật Hình sự năm 1999 [2, tr. 193].

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

3.3.1. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh vô hiệu hóa các hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng đòi hỏi giải quyết tổng thể nhiều vấn đề, sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp và hình thức khác nhau. Từ thực tiễn đấu tranh chống tội phạm nói chung, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng có thể đề xuất những giải pháp trong công tác này như sau:

Thứ nhất, chủ động phòng ngừa, tước bỏ các điều kiện không để các đối tượng có thể tiến hành hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong nội dung này, chúng ta cần làm một số công việc cụ thể sau:

Một là, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thực hiện có hiệu pháp luật về an ninh quốc gia và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ.

Đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm bảo vệ sự vững mạnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ. Trong cuộc đấu tranh này, nếu không phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thì không thể thành công. Hiệu quả phòng ngừa tội phạm phụ thuộc rất nhiều vào sự tham gia tích cực của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân công dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cần mở rộng các loại hình tổ chức xã hội để quần chúng tham gia phòng ngừa tội phạm. Đó là các đội dân phòng tự nguyện, các tổ liên gia tự quản, các tổ dân phố, các đội thanh niên cờ đỏ... Cần đưa những kế hoạch phòng ngừa tội phạm vào trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, lãnh thổ, nhất là trong bối cảnh đất nước ta mở rộng quan hệ quốc tế, từng bước hội nhập với khu vực và thế giới. Những chỉ tiêu của công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, cần được quan tâm đầu tư ngân sách và được đánh giá từng mối quan hệ chặt chẽ với các biện pháp kinh tế - xã hội khác.

Hai là, hoàn thiện các hình thức và nội dung tuyên truyền giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng nhằm thu hút sự quan tâm của xã hội vào cuộc đấu tranh chống các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Cần có chương trình giáo dục pháp luật phù hợp với đặc điểm tâm lý,

lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ văn hóa... của từng giai tầng trong xã hội. Khắc phục tình trạng tuyên truyền một chiều, thiếu định hướng, tuyên truyền sai lệch, thái quá hoặc khuynh hướng thương mại hóa hoạt động tuyên truyền.

Ba là, thực hiện chính sách xã hội với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo đạo, vì đây là giai tầng quan trọng trong xã hội, các thế lực thù địch luôn luôn tìm mọi cách để mua chuộc, lôi kéo, lợi dụng biến họ thành công cụ để tiến hành hoạt động nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực tiễn cách mạng cho thấy, nếu chúng ta nắm, tranh thủ, thu hút được đồng bào vào lực lượng cách mạng là chúng ta có thể chiến thắng, còn nếu địch nắm được quần chúng đồng bào là chúng ta thua. Do vậy, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào theo đạo và đồng bào dân tộc thiểu số, đã và đang thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ, nâng cao dân trí...

Bốn là, các cơ quan bảo vệ pháp luật cần tăng cường công tác nghiệp vụ, chủ động trong công tác nắm tình hình, từ đó, với chức năng, nhiệm vụ của mình tham mưu cho Đảng, Nhà nước đề ra chủ trương, đối sách với các hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Việt Nam, đồng thời phát hiện ngăn chặn, đấu tranh vô hiệu hóa các hoạt động xấu của các thế lực thù địch. Mục tiêu cơ bản của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia là giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo vệ chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc...

Năm là, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thường xuyên làm tốt công tác vận động quần chúng. Phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an ninh quốc gia, dân tộc, tôn giáo... lồng ghép với việc phổ biến các âm mưu, phương thức, thủ đoạn lôi kéo, mua chuộc, kích động, lợi dụng của các thế lực thù địch.

Thứ hai, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh vô hiệu hóa các hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nghĩa là chúng ta phải chủ động kịp thời phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, muốn vậy chúng ta cần làm tốt các công việc sau:

Một là, cơ quan an ninh phải chủ động phát hiện, đấu tranh với các hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm vô hiệu hóa hoạt động chống phá của chúng. Trong công tác này, cơ quan an ninh cần chú ý đến các đối tượng phản động người Việt lưu vong có mối quan hệ với các đối tượng phản động trong nước, đối tượng cơ hội chính trị, các đối tượng chức sắc, cầm đầu, cốt cán có tư tưởng chống đối cực đoan trong dân tộc và tôn giáo... Song song với các biện pháp, công tác nghiệp vụ, phải chủ động tấn công tội phạm bằng sức mạnh của quần chúng nhân dân, sức mạnh ấy luôn ở dạng tiềm năng, do đó phải tổ chức tuyên truyền, giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị cách mạng một cách sâu rộng, liên tục, có hệ thống mới có thể biến tiềm năng đó thành vũ khí trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng tấn công chính trị với hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Việt Nam, kết hợp với công tác đối ngoại làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ chủ trương, chính sách của Nhà nước ta, vạch rõ âm mưu phản động sử dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để vu cáo chống lại Nhà nước Việt Nam.

Hai là, nâng cao chất lượng điều tra tội phạm nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng.

Hoạt động điều tra nói chung, điều tra tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng muốn đạt được hiệu quả cao phải được tổ chức khoa học, hợp lý, có định hướng điều tra đúng đắn với kế hoạch điều tra cụ thể, phương pháp điều tra phù hợp.

Để đảm bảo cho hoạt động của điều tra đạt hiệu quả cao, cần phải tổ chức các khóa bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho điều tra viên những nội dung, vấn đề mới về âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cũng như những vấn đề mới về pháp luật có liên quan đến hoạt động điều tra, có thể kết hợp hoặc tổ chức riêng các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, tổng kết thực tiễn tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kinh nghiệm hoạt động điều tra tội phạm. Ngoài ra, có thể tổ chức các cuộc hội thảo theo chuyên đề để điều tra viên có cơ hội gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, bổ sung thêm kiến thức về điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng.

3.3.2. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các tội phạm khác có liên quan

Để pháp luật được thực hiện đầy đủ, chính xác điều quan trọng trước hết phải nhận thức đúng, chính xác, đầy đủ nội dung của các quy phạm pháp luật. Muốn làm được điều đó thì phải tiến hành giải thích pháp luật. Giải thích pháp luật là làm sáng tỏ về mặt tư tưởng, nội dung ý nghĩa của các quy phạm pháp luật, đảm bảo cho sự nhận thức và thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần hướng dẫn, giải thích những quy định sau:

Thứ nhất, về các hành vi được quy định trong cấu thành tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần phải làm rõ hai vấn đề cơ bản:

Một là, pháp luật hiện hành mới chỉ quy định các hành vi của cấu thành tội phạm, mà chưa giải thích thống nhất các trường hợp phạm tội cụ thể. Trong thực tiễn, tội phạm này thực hiện đồng thời hai hay nhiều hành

vi cùng một lúc. Do vậy, quá trình áp dụng những quy định pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tỏ ra lúng túng, bị động.

Hai là, hành vi "tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền" không có gì khác hành vi chia rẽ nhân dân với chính quyền trong tội phá hoại chính sách đại đoàn kết (Điều 87). Ngoài ra, trong nhiều tội khác, tuyên truyền xuyên tạc chế độ, phỉ báng chính quyền... được bọn tội phạm sử dụng như một thủ đoạn, cách thức lôi kéo, kích động người khác tham gia tổ chức chống chính quyền như: tội phá rối an ninh (Điều 89), tội bạo loạn (Điều 82)... Thực tiễn xét xử gặp rất nhiều khó khăn để phân biệt một cách rạch ròi giữa hành vi nói trên.

Xét dưới góc độ khoa học luật hình sự, chúng tôi cho rằng, tội phá hoại chính sách đại đoàn kết (đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết quốc tế) thực chất là tuyên truyền, kích động, chia rẽ và gây hằn thù giữa các dân tộc, các tầng lớp dân cư, các tôn giáo, làm rối loạn an ninh quốc gia, làm suy yếu sức mạnh của Nhà nước. Như vậy, trong Bộ luật Hình sự năm 1999, đã có tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn phân biệt tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tội phá hoại chính sách đại đoàn kết dân tộc với tính cách là tội danh độc lập.

Thứ hai, khung hình phạt (khung cơ bản và khung tăng nặng) trong tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có khoảng cách giữa mức thấp nhất và cao nhất của khung hình phạt là rất lớn (khung cơ bản từ ba đến mười hai năm; khung tăng nặng từ mười năm đến hai mươi năm). Nếu vẫn tiếp tục quy định khoảng cách giữa các khung hình phạt như vậy sẽ dẫn đến việc áp dụng pháp luật một cách tùy tiện, rất dễ

dẫn tới lạm quyền. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật để giải thích áp dụng cho phù hợp.

Thứ ba, việc áp dụng pháp luật đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi cơ quan áp dụng phải hết sức khéo léo và linh hoạt đáp ứng các yêu cầu: chính trị, nghiệp vụ, pháp luật. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, nếu lựa chọn quy phạm pháp luật một cách máy móc, pháp lý đơn thuần thì không đạt được kết quả mong muốn, thậm chí chưa thể đáp ứng được yêu cầu chính trị, nghiệp vụ, tạo diễn biến phức tạp gây bất lợi trong quan hệ ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta. Một số vụ án được xét xử thời gian gần đây thể hiện việc vận dụng khéo léo các quy phạm pháp luật hình sự, nên có tác dụng chính trị tốt như vụ gây rối ở Huế (Thích Trí Tựu), vụ Lý Tổng... Vì vậy, để việc áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thống nhất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nhanh chóng ban hành văn bản hướng dẫn, giải thích cụ thể, chuyên biệt về loại tội phạm này.

3.3.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia và các âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia và các âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của các thế lực thù địch là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền các cấp và các tổ chức kinh tế xã hội. Công tác này phải được tiến hành sinh động, sử dụng nhiều loại hình khác nhau cùng với nội dung tuyên truyền phong phú, đa dạng để đến với quần chúng nhân dân một cách đầy đủ toàn diện. Nội dung tuyên truyền,

phổ biến, giáo dục pháp luật về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

- Các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó có tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội phạm này;

- Tình hình phạm tội và quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng;

- Các thông tin hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân khi phát hiện hành vi nghi vấn là tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (quy trình, hình thức, phương pháp, trình báo...).

Bên cạnh những nội dung tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia, chúng ta tuyên truyền phổ biến âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền của các thế lực thù địch nhằm suy yếu chính quyền nhân dân, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Từ đó, nâng cao nhận thức chính trị cho nhân dân, để họ có khả năng tự phản kháng với các luận điệu tuyên truyền xấu và có biện pháp xử lý thích hợp mà pháp luật cho phép để đấu tranh với những luận điệu xấu đó.

Thực tiễn, cho thấy các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia và các âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau đây thường được sử dụng có hiệu quả:

- Phổ biến, nói chuyện về tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia tại các cơ quan, tổ chức, địa bàn dân cư, đặc biệt chú trọng đến các vùng dân tộc thiểu số ít người, kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí thấp hoặc những nơi có đồng bào theo đạo: Thiên Chúa giáo, Phật giáo,

Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo... đây là những người dễ bị các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng để tuyên truyền, tác động, mua chuộc lôi kéo họ tiến hành các hoạt động chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Tổ chức các câu lạc bộ pháp luật, các đội thông tin cổ động, các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật an ninh quốc gia;

- Tuyên truyền pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Vận động quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự, kịp thời phát hiện, tố giác hành vi vi phạm pháp luật hình sự được quy định tại Điều 88 Bộ luật Hình sự.

- Kết hợp các hoạt động văn hóa xã hội khác, lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật hình sự về tội phạm này với các hoạt động kinh tế - xã hội của các ngành các cấp.

3.3.4. Nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho cán bộ tư pháp

Các cơ quan bảo vệ pháp luật và cán bộ làm công tác tư pháp phải nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ mới, có sự vận dụng sáng tạo vào công tác đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước những diễn biến phức tạp của loại tội phạm này trong thời gian qua, cho nên khi áp dụng những quy định của pháp luật hình sự để xử lý các đối tượng phạm tội, cần phải căn cứ vào tình hình chính trị - xã hội của đất nước, tình hình cụ thể của địa phương, tình hình quốc tế và khu vực để cân nhắc, lựa chọn hình thức xử lý cho thích hợp, đảm bảo đồng thời các yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ. Áp dụng pháp luật

không thể tách rời với nhiệm vụ chính trị, nhưng tránh xu hướng tuyệt đối hóa yêu cầu chính trị, dẫn đến coi thường pháp luật, để lộ bí mật công tác, biện pháp nghiệp vụ. Mọi hành vi pháp luật đều phải được xử lý theo đúng trình tự thủ tục và các điều khoản mà pháp luật quy định, đồng thời phải đảm bảo các quyền dân chủ và các quyền con người trong hoạt động tổ tụng hình sự.

Hiện nay, trong công cuộc đổi mới và cải cách tư pháp, Đảng ta đang rất quan tâm đến vấn đề đào tạo cán bộ. Những chức danh tư pháp như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán là những người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự, những người trực tiếp thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật hình sự khi giải quyết các vụ án hình sự, đã và đang được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, cán bộ tư pháp của Việt Nam nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, "công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức" [9]. Các cơ quan có thẩm quyền luôn tìm mọi giải pháp để giải quyết vấn đề này với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, từ việc đổi mới công tác đào tạo cán bộ có chức danh tư pháp đến việc nâng cao tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức và nghề nghiệp chuyên môn của các cơ quan tư pháp ở trung ương và địa phương, chú trọng đề bạt số cán bộ có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đã được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm trong thực tiễn công tác đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo trong cơ quan tư pháp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ cơ quan tư pháp, có đánh giá kịp thời về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ tư pháp để xem xét đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm

vụ hoặc miễn nhiệm, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ yếu kém, vi phạm pháp luật. Có chính sách tiền lương, phụ cấp và chính sách đãi ngộ phù hợp, khen thưởng xứng đáng với cán bộ có thành tích, chiến công trong đấu tranh với tội phạm nói chung, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Nói cách khác, nâng cao năng lực nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng sẽ giúp cho cán bộ tư pháp làm tốt hơn việc áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Bộ luật Hình sự năm 1999 ra đời đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong hoạt động lập pháp hình sự nước ta. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, qua 10 năm triển khai thực hiện cho thấy, một số quy phạm pháp luật hình sự bộc lộ hạn chế, thiếu sót nhất định, dẫn đến thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự này còn gây khó khăn, lúng túng, thiếu thống nhất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người tiến hành tố tụng. Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định trong Phần các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia cũng bộc lộ những hạn chế như: việc quy định khách thể của tội phạm còn chung chung, các hành vi trong mặt khách quan của tội phạm còn có sự giao thoa, độ tuổi chịu trách nhiệm đối với tội phạm này còn chưa hợp lý... Từ những hạn chế trên, đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Song song với việc hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tác giả luận văn đề xuất một số giải pháp như: chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tăng cường công tác hướng dẫn, giải

thích những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tội phạm khác có liên quan; tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia và các âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho cán bộ tư pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật đối với tội phạm này

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bước đầu luận văn đã cố gắng làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội phạm này để trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận văn cho phép đi đến một số kết luận dưới đây:

1. Trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, các hành vi tương đồng được pháp luật hình sự hiện hành quy định là tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được ghi nhận rất sớm, tội danh và hình phạt rất nghiêm khắc, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và chính sách hình sự của chế độ cầm quyền. Trong Bộ luật Hình sự năm 1985, tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa được quy định trong chương các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia và trong Bộ luật Hình sự năm 1999, được quy định là tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong chương các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia. Việc chính thức ghi nhận tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong pháp luật hình sự hiện hành có ý nghĩa đặc biệt về mặt lập pháp hình sự cũng như thực tiễn.

2. Pháp luật hình sự một số nước trên thế giới như: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thụy Điển, Liên bang Nga... đều quy định các hành vi xâm phạm đến sự tồn tại, vững mạnh của chế độ chính trị, của nhà nước, của vua... là tội phạm mặc dù chế tài áp dụng có thể khác nhau phụ thuộc vào từng hình thái kinh tế xã hội nhất định, từng chính thể, từng quan điểm của giai cấp thống trị trong xã hội, nhưng điểm chung giữa các quốc

gia là nghiêm trị những hành vi đi ngược lại lợi ích của dân tộc, quốc gia bằng chế tài hình sự nghiêm khắc.

3. Nghiên cứu việc áp dụng pháp luật hình sự hiện hành đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, về cơ bản các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã phản ánh được tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả khó lường của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Song bên cạnh những kết quả đã đạt được, thì thực tiễn áp dụng tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn bộc lộ một số hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hoạt động áp dụng pháp luật hình sự về tội phạm này. Đây là những vấn đề cần được xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới.

4. Trước tình hình mới của đất nước, đặc biệt trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thì việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là yêu cầu tất yếu khách quan, đây cũng là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng cần làm ngay của Đảng và Nhà nước ta để đảm bảo sự tồn tại và vững mạnh của chính quyền nhân dân, chống lại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa, thay đổi chế độ chính trị của đất nước ta.

Từ kết quả trên, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có ý nghĩa xã hội - pháp lý quan trọng phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, những vấn đề của đề tài đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu ở mức cao hơn, thời gian nhiều hơn, công phu hơn

nhằm hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn không chỉ phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy mà còn phục vụ trong công tác áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thực tiễn hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo thi hành Bộ luật Hình sự (2000), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Hình sự năm 1999*, Nhà in Bộ Công an, Hà Nội.
2. Lê Văn Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền, một số vấn đề cơ bản của Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Lê Cẩm (chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (chủ biên) (2007), *Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Nguyễn Huy Chiêu (1972), *Hình luật*, Viện Đại học Sài Gòn xuất bản, Sài Gòn.
7. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (1995), *Các triều đại Việt Nam (In lần thứ hai có sửa chữa và bổ sung)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Đạm (1999), *Từ điển Tiếng Việt - Từ giải và liên tưởng*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Điệp, Đinh Thị Ngọc Dung (1996), *900 thuật ngữ pháp lý Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Bạch Thành Định (2001), *Các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
15. Đinh Bích Hà (Dịch và giới thiệu) (2007), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, (In lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2006), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Tập I)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. *Hoàng Việt luật lệ* (1994), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
19. Nguyễn Mạnh Hùng (2003), *Từ điển thuật ngữ pháp lý*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Hoàng Phê (chủ biên) (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học.
21. Trần Đại Quang (1996), *Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
22. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luật khoa học Bộ luật Hình sự (Phần các tội phạm)*, Tập V - Các tội phạm về chức vụ, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
24. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
25. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.

26. Quốc hội (2004), *Luật an ninh quốc gia*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2005), *Luật Công an nhân dân*, Hà Nội.
28. *Quốc triều hình luật* (2003), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
29. Tạp chí Dân chủ và pháp luật (1998), *Số chuyên đề về luật hình sự một số nước trên thế giới*, Hà Nội.
30. Kiều Đình Thụ (1995), "Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự đối với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia", *Nhà nước pháp luật*, (3).
31. Kiều Đình Thụ (1997), "Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, lịch sử, thực trạng và phương hướng hoàn thiện", *Thông tin khoa học pháp lý*, Bộ Tư pháp.
32. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (1985-2008), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao (1985-2008), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3 về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Thống kê xét xử sơ thẩm hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến năm 2008*, Hà Nội.
38. *Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt Luật lệ* (2008), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
39. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

40. *Từ điển nghiệp vụ Công an nhân dân* (1977)
41. *Từ điển tiếng Việt* (2002), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
42. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1967), *Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng*, Hà Nội.
45. Viện Khoa học pháp lý (1987), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Viện Khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Bộ luật Hình sự Vương quốc Thụy Điển* (Bản dịch tiếng Việt), tài liệu tham khảo, Hà Nội.

TRANG WEB

48. [Http://www.cand.com.vn](http://www.cand.com.vn).
49. [Http://www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)
50. [Http://www.nhandan.com.vn](http://www.nhandan.com.vn).
51. [Http://www.thanhnien.com.vn](http://www.thanhnien.com.vn).
52. [Http://www.tienphong.com.vn](http://www.tienphong.com.vn).
53. [Http://www.vnexpress.net](http://www.vnexpress.net).
54. [Http://www.vnn.vn](http://www.vnn.vn).
55. [Http://www.wikipedia.org.vn](http://www.wikipedia.org.vn)